

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HỒ CHÍ MINH**

NGUYỄN THỊ NGÀ

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI
HOẠT ĐỘNG NHẬP SẢN XUẤT XUẤT KHẨU
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI TRONG
BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

**CHUYÊN NGÀNH : Kinh tế tài chính – Ngân hàng
MÃ SỐ : 60.31.12**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS SỬ ĐÌNH THÀNH**

TP. Hồ Chí Minh - năm 2007

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

1. CNTT : Công nghệ thông tin
2. KCN : Khu công nghiệp
3. KTSTQ : Kiểm tra sau thông quan
4. NSXXK : Nhập sản xuất xuất khẩu
5. TCHQ : Tổng cục Hải quan
6. WTO : Tổ chức thương mại Thế giới
7. VAT : Thuế giá trị gia tăng

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

STT	TÊN	NỘI DUNG	TRANG
01	Sơ đồ 1.1	Sơ đồ quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK	19
02	Sơ đồ 2.1	Mô hình hệ thống về thanh khoản	44
03	Biểu đồ 2.1	Số lượng kim ngạch nhập khẩu từ năm 1996 - 2006 của Tỉnh	30
04	Biểu đồ 2.2	Số lượng kim ngạch xuất khẩu từ năm 1996 - 2006 của Tỉnh	31
05	Biểu đồ 2.3	Số lượng kim ngạch nhập khẩu loại hình NSXXK từ năm 1998 - 2006 của doanh nghiệp chế xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	33
06	Biểu đồ 2.4	Số lượng kim ngạch xuất khẩu loại hình NSXXK từ năm 1998 - 2006 của doanh nghiệp chế xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	34
07	Biểu đồ 2.5	Tình hình nợ thuế tạm thu, nợ thuế tạm thu quá hạn tại Cục Hải quan Đồng Nai ngày 31/12 các năm từ 2002 đến 2006	39
08	Biểu đồ 2.6	Số thu thuế tại Cục Hải quan Đồng Nai từ năm 2002-2006	42

MỤC LỤC

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NHẬP SẢN XUẤT XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Lời cam đoan

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục các biểu đồ, sơ đồ

Mục lục	Trang
Mở đầu	01

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NHẬP SẢN XUẤT XUẤT KHẨU

1.1. Khái niệm nhập sản xuất xuất khẩu.....	04
1.2. Vai trò của hoạt động NSXXXK đối với phát triển kinh tế	06
1.3. Tính tất yếu của việc quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXXK.....	08
1.4. Nội dung quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXXK	13
1.4.1. Khái niệm quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXXK	13
1.4.2. Khuôn khổ pháp lý điều chỉnh quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXXK.....	13
1.4.3. Nội dung quản lý của hải quan đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.....	14
1.4.4. Quy trình nghiệp vụ quản lý của hải quan đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.....	18
1.4.4.1. Đăng ký hợp đồng nhập khẩu nguyên vật liệu, danh mục nguyên vật liệu	20
1.4.4.2. Đăng ký danh mục sản phẩm xuất khẩu, đăng ký định mức	20

1.4.4.3. Thanh khoản nguyên vật liệu nhập khẩu.....	21
1.4.4.3.1. Nguyên tắc thanh khoản	21
1.4.4.3.2. Hồ sơ thanh khoản.....	22
1.4.4.3.3. Thanh khoản nguyên vật liệu nhập khẩu.....	24
1.5. Các nhân tố tác động đến quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK.....	24
1.5.1. Sự phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu.....	24
1.5.2. Sự sửa đổi, bổ sung Luật hải quan.....	25

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NHẬP SẢN XUẤT XUẤT KHẨU TẠI CỤC HẢI QUAN

ĐỒNG NAI

2.1. Thực trạng hoạt động NSXXK trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.....	28
2.1.1. Đặc điểm lợi thế của tỉnh Đồng Nai trong hoạt động NSXXK	28
2.1.2. Kết quả hoạt động NSXXK trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	29
2.2. Thực trạng công tác quản lý Hải quan đối với hoạt động NSXXK tại Cục Hải quan Đồng Nai	34
2.2.1. Giới thiệu về Cục Hải quan Đồng Nai.....	34
2.2.2. Thực trạng công tác quản lý Hải quan đối với hoạt động NSXXK tại Cục Hải quan Đồng Nai	36
2.2.2.1. Biện pháp quản lý nợ thuế đối với nguyên vật liệu nhập khẩu	36
2.2.2.1.1. Biện pháp đơn đốc thu thuế	37
2.2.2.1.2. Biện pháp đơn đốc thanh khoản thuế	39
2.2.2.2. Ứng dụng CNTT trong thanh khoản nguyên vật liệu nhập khẩu	41
2.2.2.3. Quản lý đối với hoạt động NSXXK của doanh nghiệp chế	

xuất	45
2.2.3. Những khó khăn, vướng mắc trong quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK.....	46
2.2.3.1. Đối với quản lý nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.....	46
2.2.3.2. Đối với quản lý nợ thuế, thanh khoản thuế	47
2.3. Đánh giá tình hình gian lận thuế, gian lận thương mại trong lĩnh vực NSXXK trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	49
2.3.1. Các hình thức gian lận	49
2.3.2. Các hạn chế trong quản lý gian lận	53
2.4. Đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK	57
2.4.1. Điểm mạnh.....	57
2.4.2. Điểm yếu	59
2.4.3. Cơ hội	60
2.4.1. Thách thức	60

CHƯƠNG III

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NHẬP SẢN XUẤT XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

3.1. Dự báo về hoạt động NSXXK trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	62
3.2. Quan điểm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK	64
3.3. Các giải pháp góp phần hoàn thiện quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK tại Cục Hải quan Đồng Nai trong bối cảnh hội nhập	65

3.3.1. Kiến nghị Bộ Tài chính hoàn thiện các văn bản, quy trình nghiệp vụ liên quan.....	65
3.3.2. Kiến nghị đối với Tổng cục hải quan	67
3.3.3. Kiến nghị đối với Cục Hải quan Đồng Nai	72
3.2.4. Kiến nghị khác nhằm phát huy tính tự giác chấp hành pháp luật của doanh nghiệp.....	74
Kết luận.....	77
Tài liệu tham khảo	
Phụ lục.	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Để khuyến khích xuất khẩu nhằm mục tiêu phát triển kinh tế đồng thời tạo công ăn việc làm cho người lao động, khai thác nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước, từ những năm đầu của thập niên trước Nhà nước đã có những chính sách ưu đãi đối với hoạt động xuất nhập khẩu, trong đó việc không thu thuế nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu là một trong những chính sách khuyến khích xuất khẩu đã được quy định trong Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu ban hành năm 1992.

Chính sách này đã tạo động lực góp phần gia tăng hoạt động xuất nhập khẩu nói chung và hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu nói riêng.

Riêng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với chính sách khuyến khích mới, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm tăng với tốc độ đáng kể, nếu như năm 1995 tổng kim ngạch XNK chỉ đạt 374,78 triệu USD thì năm 2000 tăng lên đến 3.019,44 triệu USD và đến năm 2006 đạt 7.901,8 triệu USD, trong đó kim ngạch xuất nhập khẩu của loại hình nhập sản xuất xuất khẩu chiếm bình quân từ 48,2% - 74,67% kim ngạch xuất nhập khẩu toàn Tỉnh. Hoạt động xuất nhập khẩu không những tăng nhanh về kim ngạch mà còn đa dạng về chủng loại sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.

Trước đây việc quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu chỉ thông qua những văn bản, công điện hướng dẫn rời rạc thì sau khi Luật Hải quan được ban hành năm 2001 và được bổ sung sửa đổi vào năm 2005; việc quản lý đối với hoạt động này mới chính thức đưa vào văn bản pháp quy; quy trình, thủ tục quản lý đã được hướng dẫn thống nhất. Tuy nhiên qua thời gian thực hiện, tại Cục Hải quan Đồng Nai hiệu quả quản lý đối với hoạt động nhập nguyên liệu để sản

xuất sản phẩm xuất khẩu chưa đạt như mong muốn, do vậy đề tài “ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NHẬP SẢN XUẤT XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ ” được nghiên cứu nhằm đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý đối với hoạt động này.

2. Mục tiêu nghiên cứu của Luận văn

Mục tiêu nghiên cứu của luận văn là tìm ra những giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động nhập sản xuất xuất khẩu tại tỉnh Đồng Nai nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và thế giới trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại nói chung và hoạt động hải quan nói riêng; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, hoạt động xuất nhập khẩu phát triển mạnh mẽ, đúng hướng đồng thời chống gian lận thuế, gian lận thương mại, tạo sự công bằng, bình đẳng cho các chủ thể tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu.

Để đạt được mục tiêu trên, luận văn có nhiệm vụ nghiên cứu một số vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động nhập sản xuất xuất khẩu, nội dung quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động này; phần cơ bản của luận văn tập trung vào nghiên cứu đánh giá thực trạng quản lý hoạt động nhập sản xuất xuất khẩu trong giai đoạn hiện nay tại Cục Hải quan Đồng Nai, đặc biệt phân tích làm rõ những hạn chế, tồn tại trên cơ sở đó đề ra các giải pháp phù hợp.

3. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu của Luận văn

Phạm vi nghiên cứu : Luận văn nghiên cứu chủ yếu hoạt động nhập sản xuất xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đối tượng nghiên cứu : phân tích các vấn đề liên quan đến việc quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động nhập sản xuất xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong khoảng thời gian từ khi Luật hải quan có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2002 đến nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng, trong đó vận dụng các quan điểm khách quan, toàn diện, lịch sử khi xem xét, đánh giá từng vấn đề cụ thể; đồng thời dựa trên các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về những vấn đề liên quan.

Trên cơ sở đó, luận văn đã sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu như : phương pháp nghiên cứu dữ liệu thứ cấp (với nguồn dữ liệu, thông tin được tác giả thu thập từ các website, số liệu thống kê của cơ quan quản lý, sách, tạp chí ...); phương pháp tổng hợp các phân tích; phương pháp kết hợp nghiên cứu lý luận với khảo sát thực tiễn, phương pháp thống kê so sánh...

5. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, các phụ biểu, luận văn gồm 3 chương :

Chương I : Tổng quan quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động nhập sản xuất xuất khẩu.

Chương II : Thực trạng công tác quản lý hải quan đối với hoạt động nhập sản xuất xuất khẩu tại Cục Hải quan Đồng Nai.

Chương III : Giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động nhập sản xuất xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

CHƯƠNG I :

TỔNG QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NHẬP SẢN XUẤT XUẤT KHẨU

1.1. Khái niệm nhập sản xuất xuất khẩu

Xuất phát từ quan điểm và mục tiêu phát triển trong Chiến lược ổn định phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII là “Hướng mạnh về xuất khẩu”, cơ cấu ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu chuyên dịch theo hướng “Tích cực tạo nguồn nguyên liệu và tăng năng lực trang bị kỹ thuật trong nước, đồng thời đẩy mạnh nhập nguyên liệu và thiết bị mà sản xuất trong nước chưa đáp ứng được. Đổi mới thiết bị, công nghệ và bảo đảm chất lượng các loại nguyên liệu, vật liệu để tăng sức cạnh tranh của hàng hóa. Khuyến khích chế tạo mặt hàng mới. Mở rộng các hình thức liên doanh, hợp tác với nước ngoài làm hàng xuất khẩu là một hướng ưu tiên để phát triển và hiện đại hóa các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng”.

Nhằm thực hiện quan điểm và mục tiêu trên, Chính phủ đã có nhiều giải pháp cụ thể, trong đó cho phép “Các doanh nghiệp được thành lập theo đúng luật pháp, có cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu ổn định và có thị trường tiêu thụ ở nước ngoài, có đội ngũ cán bộ đủ trình độ kinh doanh, ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán ngoại thương có quyền trực tiếp xuất khẩu hàng hóa do mình sản xuất và nhập khẩu vật tư nguyên liệu cần thiết cho sản xuất của chính doanh nghiệp” [16,18], từ đó phương thức nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu hình thành, phổ biến và phát triển mạnh mẽ.

NSXXK là một phương thức kinh doanh xuất nhập khẩu trong đó nhà nhập khẩu nhập khẩu nguyên vật liệu về để sản xuất chế biến ra sản phẩm xuất khẩu, một cách khái quát hơn NSXXK là nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu. Đây là hình thức mua đứt bán đoạn, doanh nghiệp

nhập khẩu nguyên vật liệu và xuất khẩu sản phẩm được sản xuất từ nguyên vật liệu đó. Cơ sở pháp lý của phương thức này là hai hợp đồng riêng biệt : Hợp đồng nhập khẩu nguyên vật liệu và hợp đồng xuất khẩu sản phẩm.

Trong phương thức kinh doanh NSXXK, người mua với người bán hoàn toàn độc lập, nhà nhập khẩu có quyền nhập khẩu nguyên vật liệu của những doanh nghiệp ở những nước khác nhau và xuất khẩu bán sản phẩm của mình cho một hay nhiều doanh nghiệp khác nhau ở những nước khác nhau. Phương thức kinh doanh NSXXK là hệ quả của sự chênh lệch về trình độ công nghệ, kỹ thuật, về lợi thế các nguồn lực về tài nguyên, nhân công, giữa các cá nhân, giữa các khu vực và giữa các nước tạo ra.

*** *Phân biệt nhập sản xuất xuất khẩu và gia công xuất khẩu***

Gia công thương mại là một phương thức kinh doanh mà trong đó bên đặt gia công cung cấp nguyên vật liệu hoặc bán thành phẩm có khi cả máy móc thiết bị và chuyên gia cho bên nhận gia công để sản xuất, chế biến ra một sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt hàng. Toàn bộ sản phẩm làm ra người nhận gia công sẽ giao cho người đặt gia công để nhận một khoản thù lao gọi là phí gia công.

Gia công xuất khẩu là hình thức gia công thương mại mà bên nhận gia công nhập các yếu tố sản xuất (chủ yếu là nguyên vật liệu) từ nước ngoài vào để gia công chế biến sản phẩm sau đó xuất khẩu giao sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt gia công.

Giữa NSXXK và gia công xuất khẩu giống nhau trước hết ở bản chất và quy trình hoạt động :

- Về bản chất cả hai đều là xuất khẩu lao động tại chỗ.
- Về quy trình hoạt động đều trải qua các công đoạn : nhập khẩu nguyên vật liệu - sản xuất chế biến sản phẩm - xuất khẩu.

Nhưng giữa NSXXK và gia công xuất khẩu khác nhau ở những điểm cơ bản sau :

- Về tính độc lập tự chủ của chủ thể kinh doanh : trong phương thức gia công xuất khẩu bên nhận gia công phụ thuộc vào bên đặt gia công về mẫu mã hàng hóa, nguyên vật liệu, số lượng, thị trường xuất khẩu... Còn trong phương thức NSXXK giữa người mua với người bán hoàn toàn độc lập, nhà nhập khẩu có quyền nhập khẩu nguyên vật liệu của những doanh nghiệp ở những nước khác nhau và xuất khẩu bán sản phẩm của mình cho một hay nhiều doanh nghiệp khác nhau ở những nước khác nhau.

- Về chính sách tài chính, chính sách thuế quan: Việt Nam và nhiều nước trên thế giới cho phép miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu nhập khẩu để gia công hàng xuất khẩu, còn đối với tất cả các hình thức mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm hàng hóa có thanh toán quốc tế đều phải chịu thuế xuất nhập khẩu. Tại Việt Nam, NSXXK được hoàn thuế nguyên vật liệu nhập khẩu sau khi xuất khẩu sản phẩm và không phải thu thuế sản phẩm xuất khẩu.

1.2. Vai trò của hoạt động NSXXK đối với phát triển kinh tế

Hoạt động NSXXK tại Việt Nam hiện nay đang phát triển mạnh mẽ cả quy mô và tốc độ đã đem lại những lợi ích nhiều mặt về kinh tế, xã hội. Trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay, vai trò của hoạt động NSXXK thể hiện ở các khía cạnh sau đây:

- Khai thác được lợi thế về nguồn nhân lực, giải quyết công ăn việc làm, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống xã hội.

Nước ta là nước có lợi thế về nguồn nhân lực : lực lượng lao động dồi dào, trẻ về độ tuổi, trình độ học vấn phổ thông tương đối khá, có khả năng tiếp thu nhanh những ứng dụng công nghệ mới...Hoạt động NSXXK phát triển cần thiết phải tuyển dụng nhân công vào làm việc trong các công ty, nhà máy ... do đó đã góp phần giải quyết nhiều công ăn việc làm, tạo cho người lao động có thu nhập ổn định, vì vậy đã dần từng bước góp phần nâng cao đời sống xã hội.

- Giúp tích lũy được kinh nghiệm trong tổ chức quản lý , trong tiếp cận thị trường quốc tế.

Khác với gia công, trong hoạt động NSXXK doanh nghiệp phải chủ động tìm kiếm thị trường nguyên vật liệu, thị trường để xuất khẩu sản phẩm, do đó đòi hỏi doanh nghiệp phải tiếp cận và nắm bắt được nhu cầu của thị trường quốc tế về chất lượng, số lượng sản phẩm... đồng thời trình độ quản lý, điều hành sản xuất của doanh nghiệp phải phù hợp, từ đó giúp doanh nghiệp tích lũy được kinh nghiệm trong tổ chức quản lý và trong tiếp cận thị trường quốc tế.

- Tranh thủ được vốn, khoa học công nghệ của nước ngoài, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chiến lược hướng về xuất khẩu.

Chính sách ưu đãi thuế đã khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư sản xuất xuất khẩu. Hàng hóa xuất khẩu, hơn nữa là từ nguyên vật liệu nhập khẩu, đã mang tính chất công nghệ cao, phù hợp với thị trường thế giới, do đó yêu cầu doanh nghiệp phải đầu tư máy móc thiết bị với công nghệ thích hợp bằng nhiều hình thức vay vốn, liên doanh, sử dụng vốn trong nước, tiếp nhận đầu tư nước ngoài... và do vậy đã tranh thủ được vốn, khoa học công nghệ của nước ngoài, góp phần đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chiến lược hướng về xuất khẩu.

- Thông qua NSXXK có thể kết hợp xuất khẩu được nguồn tài nguyên, vật tư nguyên liệu sẵn có trong nước, khai thác và phát triển thêm nguồn hàng cho xuất khẩu.

Nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu thường là nguyên liệu chính có tiêu chuẩn kỹ thuật cao, nhưng chưa phải là toàn bộ đầu vào cho sản xuất xuất khẩu, phần nguyên liệu còn lại thị trường trong nước có thể cung cấp, đây là cơ hội khai thác, phát huy nguồn tài nguyên, nguyên liệu có sẵn trong nước. Ngoài ra sau thời gian đầu nhập nguyên liệu, các

doanh nghiệp đầu tư sản xuất nguyên liệu thay thế nguyên liệu nhập khẩu hoặc sản xuất những nguyên liệu khác, hoặc sản xuất ra những sản phẩm khác làm cho nguồn hàng xuất khẩu mạnh hơn, đa dạng phong phú hơn.

- Góp phần tăng thu ngoại tệ cho đất nước, giảm bớt sự mất cân đối cán cân thanh toán quốc tế, nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu.

Hoạt động xuất khẩu tạo ra giá trị gia tăng cao, từ máy móc thiết bị với công nghệ hiện đại, nguyên liệu nhập khẩu có chất lượng cao, thị trường lớn ổn định, đồng thời kéo theo việc xuất khẩu gián tiếp tài nguyên, nguyên phụ liệu, sản phẩm phụ để tăng nguồn thu ngoại tệ, góp phần giảm bớt thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế. Qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu, hướng dẫn hoạt động nhập khẩu hiệu quả để xuất khẩu thu ngoại tệ cao đồng thời cũng góp phần định hướng các hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu khác cũng đạt hiệu quả cao về số lượng, chất lượng, sản phẩm, thị trường, ...

- Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

Thông qua hoạt động NSXXK, doanh nghiệp tham gia mạnh mẽ vào quá trình phân công lao động quốc tế theo từng cấp độ khác nhau, theo từng ngành, từng lĩnh vực khác nhau; khi hoạt động NSXXK đủ mạnh đồng nghĩa với việc khẳng định vị trí, thương hiệu hàng xuất khẩu trên thị trường thế giới. Như vậy hoạt động NSXXK góp phần thúc đẩy hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

1.3. Tính tất yếu của việc quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK

Như chúng ta đã biết ở đâu có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ở đó có hoạt động của hải quan. Hải quan là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

Quản lý nhà nước đó là dạng quản lý xã hội mang tính quyền lực nhà nước, được sử dụng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội và

hành vi hoạt động của con người. Quản lý nhà nước về hải quan là sự tác động của các chủ thể mang quyền lực nhà nước (ở đây là hải quan) chủ yếu bằng pháp luật đến các đối tượng quản lý (là hàng hóa, phương tiện xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh) nhằm thực hiện chức năng đối nội, đối ngoại của nhà nước.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, sự tăng trưởng mạnh mẽ của thương mại quốc tế và xu hướng tự do hóa thương mại, việc quản lý nhà nước về hải quan giữ một vai trò đặc biệt quan trọng, một mặt phải đảm bảo tạo thuận lợi cho thương mại hợp pháp hoạt động, thúc đẩy sản xuất trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài, góp phần tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế; mặt khác phải đảm bảo nguồn thu ngân sách, chống buôn lậu và gian lận thương mại có hiệu quả cũng như các nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và an toàn xã hội. Điều này được thể hiện qua những nội dung cụ thể như sau:

- Tạo môi trường thương mại và đầu tư lành mạnh, bình đẳng nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài.

Thực hiện cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hải quan, giảm thiểu sự can thiệp không cần thiết vào các hoạt động thương mại hợp pháp, cơ quan hải quan đã tác động đến việc giảm chi phí cho các doanh nghiệp, qua đó thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế, tạo môi trường đầu tư thuận lợi thu hút vốn đầu tư nước ngoài về lâu dài sẽ tạo ra nguồn thu cho ngân sách thông qua các khoản thuế nội địa.

- Thông qua chính sách thuế từng thời kỳ, tổ chức thực hiện thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước đồng thời thực hiện chính sách quản lý vĩ mô nền kinh tế.

Với tiến trình hội nhập kinh tế thế giới, vai trò của thuế quan đối với nguồn thu ngân sách ngày càng giảm, nhưng đối với các nước đang phát

triển như Việt Nam chúng ta thì thuế xuất khẩu, nhập khẩu đặc biệt là thuế nhập khẩu vẫn là nguồn thu quan trọng cho ngân sách quốc gia.

Thuế hải quan còn có vai trò điều tiết cơ chế xuất nhập khẩu nhằm hạn chế hoặc khuyến khích việc xuất khẩu đối với từng loại hàng hóa trong những giai đoạn nhất định bằng việc nâng cao hoặc hạ thấp thuế suất đánh vào hàng hóa đó khi nhập khẩu. Tuy nhiên trong tiến trình hội nhập, thực hiện các cam kết quốc tế về thương mại, xu hướng thuế nhập khẩu ngày càng giảm do vậy, một trong những mục tiêu hàng đầu của cơ quan hải quan là đảm bảo thu đủ thuế hải quan.

- Góp phần bảo vệ trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia.

Trong môi trường thế giới có nhiều biến động với sự phát triển của chủ nghĩa khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, âm mưu diễn biến hòa bình, hoạt động rửa tiền, buôn bán vũ khí và các chất ma túy ... thì một trong những nhiệm vụ hàng đầu của cơ quan hải quan là đảm bảo an toàn xã hội và an ninh quốc gia, kiểm soát một cách có hiệu quả việc vận chuyển trái phép qua biên giới các loại hàng hoá nguy hiểm và không an toàn đối với xã hội : các chất gây nghiện, heroin, cỏ vật, văn hóa phẩm đồi trụy ...

- Góp phần điều tiết, kiểm soát hoạt động ngoại thương nhằm bảo hộ nền sản xuất trong nước.

Thông qua quy trình thủ tục hải quan, cơ quan hải quan góp phần ngăn chặn hàng hóa không khuyến khích nhập khẩu, hàng nhập lậu từ nước ngoài vào, từ đó góp phần bảo hộ sản xuất hàng hóa trong nước. Trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, việc kiểm soát hàng hóa được thực hiện từ lúc xuất khẩu, vận chuyển cho đến lúc nhập khẩu chứ không chỉ tập trung vào thời điểm nhập khẩu như trước đây, vì vậy việc bảo đảm an ninh cho hàng hóa Việt Nam xuất khẩu vào các thị trường của thế giới là vô cùng quan trọng và là yêu cầu đối với cơ quan hải quan.

- Bảo đảm thu thập số liệu thống kê thương mại chính xác và kịp thời.

Việc thu thập thông kê thương mại chính xác và kịp thời sẽ góp phần tích cực cho Đảng, Nhà nước và Chính phủ hoạch định chính sách và giải pháp phát triển kinh tế, xã hội của đất nước qua từng thời kỳ.

Riêng đối với hoạt động NSXXK; với chủ trương của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay là khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện chính sách ưu đãi thuế đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu nhằm tạo công ăn việc làm, khai thác nguồn lực trong nước, nâng cao đời sống cho người lao động, ... ; cơ quan hải quan còn có vai trò kiểm soát việc thực hiện chính sách ưu đãi về xuất khẩu đúng đối tượng được ưu đãi, ngăn chặn việc lợi dụng chính sách để gian lận thuế nhằm tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp đồng thời chống thất thu thuế cho ngân sách nhà nước.

Do vậy cơ quan hải quan thông qua việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát của nhà nước đối với các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và xuất nhập cảnh của phương tiện vận tải đã góp phần phục vụ mục đích kinh tế, chính trị - xã hội của quốc gia, mà cụ thể là tạo nguồn thu cho ngân sách, bảo hộ sản xuất trong nước, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng, góp phần bảo vệ chủ quyền kinh tế, an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Vì vậy thành lập Hải quan, thiết lập chủ quyền quan thuế trên lãnh thổ là một nội dung cơ bản không thể thiếu được đối với một quốc gia độc lập có chủ quyền. Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 quy định Hải quan Việt Nam có những nhiệm vụ cơ bản sau :

- Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa, phương tiện vận tải.

Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa, phương tiện vận tải là các công việc mà công chức hải quan phải thực hiện theo các quy định của Luật đối với hàng hóa và phương tiện vận tải. Đây là hoạt động quan trọng nhất và mang tính đặc thù của cơ quan hải quan, các hoạt động này có thể

- Tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Đây là nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan hải quan. Tổng cục Hải quan chỉ đạo thống nhất việc thu thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, đồng thời áp dụng các biện pháp để đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Việc phát hiện, ngăn ngừa, đấu tranh chống các hành vi buôn lậu và gian lận thương mại vừa là mục tiêu cơ bản, vừa là một trong các nhiệm vụ chính yếu nhất của tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) và của Hải quan tất cả mọi quốc gia.

- Thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; kiến nghị chủ trương, biện pháp quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Ngoài các nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước, cơ quan hải quan còn có một nhiệm vụ khác đó là kiến nghị, tham mưu cho Nhà nước trong việc hoạch định các đường lối, chính sách, nhất là trong lĩnh vực hoạt động kinh tế; tham mưu cho Chính phủ, các bộ ngành chức năng trong

Hoạt động NSXXK là hoạt động xuất nhập khẩu cụ thể: nhập khẩu nguyên vật liệu cung ứng cho sản xuất hàng xuất khẩu, xuất khẩu sản phẩm được sản xuất từ nguyên vật liệu nhập khẩu, là hoạt động có nhập khẩu hàng hóa, có xuất khẩu hàng hóa do đó tất yếu phải chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan hải quan.

1.4. Nội dung quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK

1.4.1. Khái niệm quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK

Quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK là việc cơ quan hải quan tổ chức quản lý đối với nguyên vật liệu từ khi nhập khẩu cho đến khi sản phẩm sản xuất thực xuất khẩu nhằm giám sát việc thực hiện chính sách ưu đãi thuế đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.

Là đối tượng chịu thuế theo Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu nên khi nhập khẩu nguyên vật liệu phải được tính thuế. Số thuế này sẽ không thu khi nguyên vật liệu được đưa vào sản xuất sản phẩm và sản phẩm đã thực xuất khẩu trong thời gian ân hạn thuế hoặc được hoàn thuế khi sản phẩm thực xuất khẩu ngoài thời gian ân hạn thuế.

1.4.2. Khuôn khổ pháp lý điều chỉnh quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK

NSXXK là hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu cụ thể vì vậy hiện nay tại Việt Nam, việc quản lý nhà nước về Hải quan đối với loại hình NSXXK chịu sự chi phối của nhiều nguồn luật, trong đó chủ yếu là Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật hải quan; Luật quản lý thuế và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan như sau :

+ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 29/11/2006;

+ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Thông tư 112/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

+ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

+ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

+ Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật quản lý thuế;

+ Thông tư số 59/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

+ Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07/06/2007 của Chính Phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan;

+ Thông tư số 62/2007/TT-BTC ngày 14/06/2007 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07/06/2007 của Chính Phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

1.4.3. Nội dung quản lý của hải quan đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu

Nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu bao gồm :

- Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu nhập khẩu trực tiếp cấu thành thực thể sản phẩm xuất khẩu kể cả linh kiện lắp ráp, bán thành phẩm, bao bì đóng gói;

- Nguyên liệu, vật tư trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng không trực tiếp chuyển hóa thành hàng hóa hoặc không cấu thành thực thể sản phẩm, như: giấy, phấn, bút vẽ, bút vạch dấu, đinh ghim quần áo, mực sơn in, bàn chải quét keo, chổi quét keo, khung in lưới, dầu đánh bóng...

Nguyên vật liệu khi nhập khẩu sẽ được lưu mẫu để làm cơ sở đối chiếu với sản phẩm xuất khẩu, xác định đúng sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ nguyên vật liệu đã nhập khẩu trước đó nhằm thực hiện chính sách ưu đãi thuế đúng đối tượng. Do vậy ngay khi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu nguyên vật liệu, trừ trường hợp đặc biệt, về nguyên tắc hải quan phải lấy mẫu nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, niêm phong giao doanh nghiệp lưu giữ và xuất trình mẫu khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm hoặc khi được yêu cầu.

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là đối tượng chịu thuế, do đó nguyên vật liệu nhập khẩu cũng thuộc đối tượng chịu thuế. Nguyên vật liệu nhập khẩu được tính thuế ngay thời điểm người nộp thuế (doanh nghiệp) đăng ký tờ khai hải quan với cơ quan hải quan và được phép nợ thuế 275 ngày (với điều kiện người nộp thuế chấp hành tốt pháp luật thuế, có bản đăng ký nguyên vật liệu nhập khẩu để trực tiếp sản xuất hàng hóa xuất khẩu). Đối với một số trường hợp đặc biệt do chu kỳ sản xuất, dự trữ vật tư nguyên liệu phải kéo dài hơn 275 ngày thì thời hạn nộp thuế có thể dài hơn 275 ngày, thời gian được kéo dài tối đa không quá thời hạn phải giao hàng ghi trên hợp đồng xuất khẩu sản phẩm sản xuất từ nguyên vật liệu nhập khẩu đề nghị kéo dài thời hạn nộp thuế hoặc không quá chu kỳ sản xuất sản phẩm.

Phương pháp tính thuế nguyên vật liệu nhập khẩu theo loại hình NSXXK giống như phương pháp tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu thông thường :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số thuế} & & \text{Số lượng từng mặt} & & \text{Trị giá tính} & & \text{Thuế suất} \\ \text{nhập khẩu} & = & \text{hàng thực tế nhập} & & \text{thuế trên một} & & \text{của từng} \\ \text{phải nộp} & & \text{khẩu ghi trong tờ} & \times & \text{đơn vị hàng} & \times & \text{mặt hàng} \\ & & \text{khai hải quan} & & \text{hóa} & & \end{array}$$

Trong đó :

- *Trị giá tính thuế* là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên và được xác định bằng cách áp dụng tuần tự sáu phương pháp xác định trị giá tính thuế theo quy định và dừng ngay ở phương pháp xác định được giá tính thuế :

- Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu.
- Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt.
- Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự.
- Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá khấu trừ.
- Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá tính toán.
- Phương pháp suy luận xác định trị giá tính thuế

(Trường hợp người khai hải quan có đề nghị bằng văn bản thì trình tự áp dụng phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá khấu trừ và phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá tính toán có thể thay đổi cho nhau).

- *Thuế suất của từng mặt hàng* : thuế suất đối với hàng hóa nhập khẩu được quy định cụ thể cho từng mặt hàng gồm thuế suất ưu đãi, thuế suất ưu

đãi đặc biệt và thuế suất thông thường, thuế suất thông thường bằng 150% thuế suất ưu đãi .

Trong thời hạn 275 ngày nếu nguyên vật liệu được dùng để sản xuất ra sản phẩm và sản phẩm đã xuất khẩu thì được xét không thu thuế nhập khẩu.

Nếu quá thời hạn 275 ngày sản phẩm chưa xuất khẩu thì doanh nghiệp phải nộp thuế vào tài khoản tạm thu của cơ quan hải quan được mở tại kho bạc nhà nước địa phương, sau đó nếu xuất khẩu sản phẩm thì sẽ được xét hoàn thuế.

Nếu quá thời hạn nộp thuế mà đối tượng nộp thuế mới xuất khẩu hoặc không xuất khẩu sản phẩm thì sẽ bị xử lý như sau:

+ Đối với phần nguyên vật liệu nhập khẩu để sử dụng vào sản xuất sản phẩm, nhưng sản phẩm không xuất khẩu thì tính lại thời hạn nộp thuế là 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan và phạt chậm nộp thuế kể từ ngày thứ 31 đến ngày nộp thuế, đồng thời bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

+ Đối với phần nguyên vật liệu nhập khẩu đã sử dụng vào sản xuất sản phẩm và đã thực xuất khẩu ngoài thời hạn nộp thuế thì tính phạt chậm nộp thuế kể từ ngày quá thời hạn nộp thuế đến ngày thực xuất hoặc ngày nộp thuế (nếu nộp thuế trước ngày thực xuất khẩu).

Căn cứ để thanh khoản số nguyên vật liệu nhập khẩu theo loại hình NSXXK, căn cứ để xác định số thuế không thu, số thuế phải nộp, số thuế sẽ hoàn là lượng nguyên vật liệu nhập khẩu, lượng sản phẩm xuất khẩu được tính quy đổi theo định mức tiêu hao nguyên vật liệu do doanh nghiệp đăng ký khai báo với cơ quan hải quan trước khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm. Giám đốc doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về định mức này.

Đối với trường hợp một loại nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất nhưng thu được hai hay nhiều sản phẩm khác nhau (ví dụ nhập khẩu lúa mì

để sản xuất bột mì thu được hai sản phẩm là bột mì và cám mì) nhưng chỉ xuất khẩu một loại sản phẩm sản xuất ra thì doanh nghiệp phải có trách nhiệm khai báo với cơ quan hải quan. Số thuế nhập khẩu được hoàn được xác định bằng phương pháp phân bổ theo công thức sau :

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế} \\ \text{nhập khẩu} \\ \text{được hoàn} \end{array} = \frac{\text{Trị giá sản phẩm xuất} \\ \text{khẩu}}{\text{Tổng trị giá các sản} \\ \text{phẩm thu được}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng số thuế nhập} \\ \text{khẩu của nguyên} \\ \text{liệu, vật tư nhập} \\ \text{khẩu} \end{array}$$

Trị giá sản phẩm xuất khẩu được xác định là số lượng sản phẩm thực xuất khẩu nhân với giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu (FOB), tổng trị giá của các sản phẩm thu được được xác định là tổng trị giá sản phẩm xuất khẩu và doanh số bán của các sản phẩm để tiêu thụ nội địa.

Nếu hàng hóa thực xuất khẩu trong thời hạn nộp thuế, chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu cuối cùng thuộc tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên vật liệu đề nghị hoàn thuế, doanh nghiệp phải hoàn thành hồ sơ theo quy định gửi cơ quan hải quan để giải quyết hoàn thuế.

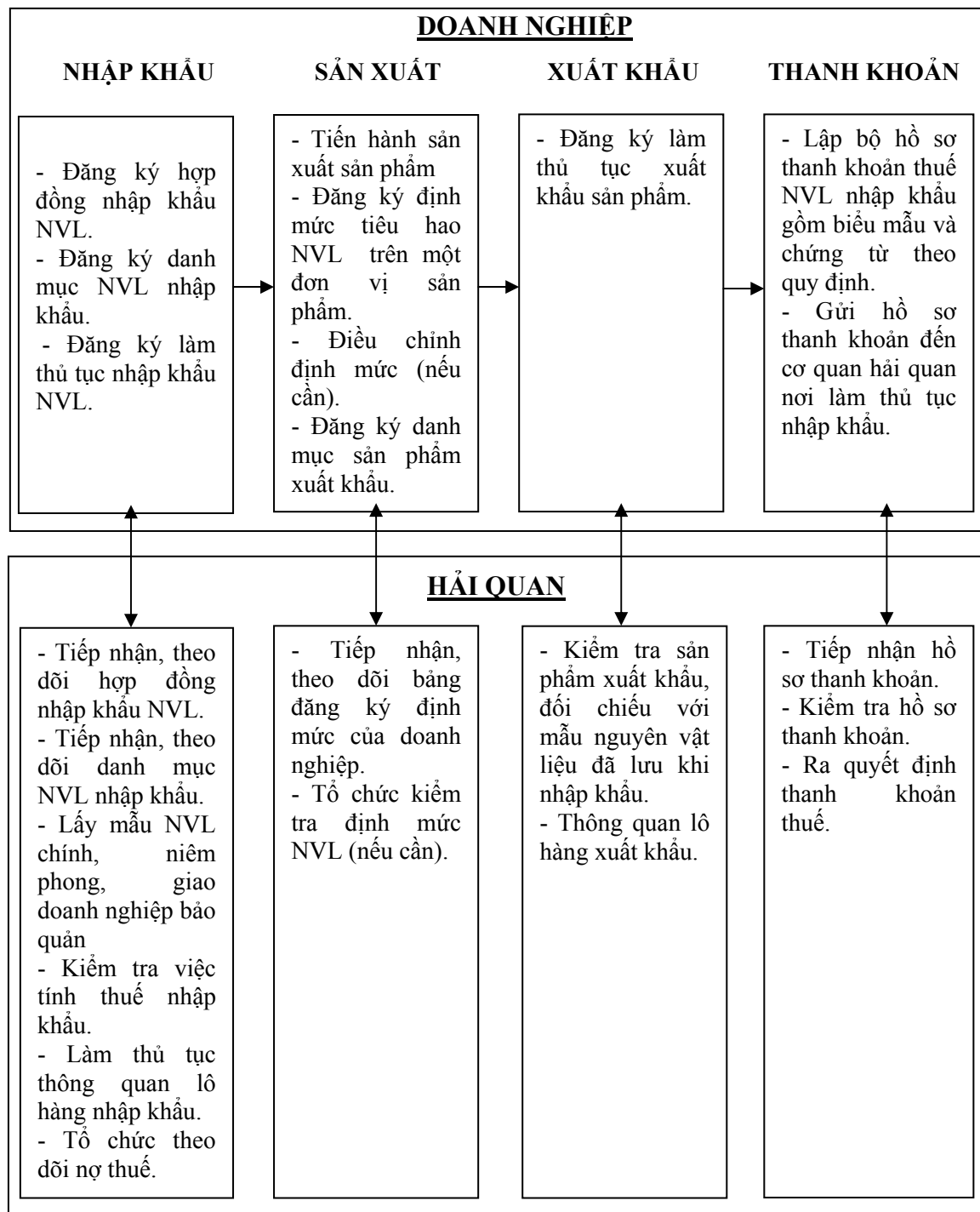
Việc tiếp nhận hợp đồng nhập khẩu nguyên vật liệu, làm thủ tục hải quan đối với nguyên liệu nhập khẩu và việc thanh khoản phải được thực hiện ở một đơn vị hải quan thuộc tỉnh, thành phố. Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu nguyên vật liệu chịu trách nhiệm làm thủ tục hoàn thuế hoặc không thu thuế cho doanh nghiệp (nếu doanh nghiệp nhập khẩu nguyên vật liệu tại một đơn vị hải quan và xuất khẩu sản phẩm ở đơn vị hải quan khác).

1.4.4. Quy trình nghiệp vụ quản lý của Hải quan đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu

Để thống nhất quản lý hoạt động NSXXK trong toàn ngành, TCHQ đã ban hành Quy trình nghiệp vụ quản lý đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu kèm theo Quyết định số 929/QĐ-TCHQ ngày

25/05/2006 của Tổng cục trưởng TCHQ. Quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK được khái quát qua sơ đồ sau :

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK



Theo quy định của Luật Hải quan và các văn bản pháp lý liên quan, về nguyên tắc thủ tục hải quan và nội dung quản lý của hải quan đối với hoạt động NSXXK được áp dụng như đối với hàng hóa kinh doanh xuất nhập

khẩu thông thường. Tuy nhiên do yêu cầu quản lý thuế nên thủ tục hải quan đối với loại hình này có thêm một số đặc điểm riêng.

Để thực hiện một hợp đồng xuất khẩu sản phẩm từ nguyên vật liệu nhập khẩu theo loại hình NSXXK, thủ tục hải quan thực hiện theo trình tự sau :

- Đăng ký hợp đồng nhập khẩu nguyên vật liệu, danh mục nguyên vật liệu;
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, đăng ký định mức;
- Xuất khẩu sản phẩm;
- Thanh quyết toán, hoàn thuế, không thu thuế (gọi tắt là thanh khoản) nguyên vật liệu nhập khẩu.

1.4.4.1. Đăng ký hợp đồng nhập khẩu nguyên vật liệu, danh mục nguyên vật liệu

Khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng đầu tiên doanh nghiệp phải đăng ký hợp đồng nhập khẩu và bảng kê danh mục nguyên vật liệu nhập khẩu để trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu, danh mục nguyên vật liệu đăng ký phải có đầy đủ các tiêu chí : tên gọi, mã thuế nguyên vật liệu; mã nguyên vật liệu (do doanh nghiệp tự quy định theo hướng dẫn của cơ quan hải quan); đơn vị tính theo danh mục thống kê Việt Nam; nguyên vật liệu chính (là những nguyên liệu cơ bản để sản xuất ra sản phẩm hoặc nguyên liệu để sản xuất ra những bộ phận, chi tiết cơ bản của sản phẩm); các tiêu chí trên phải được thống nhất trong suốt quá trình từ khi nhập khẩu đến khi thanh khoản.

Lấy mẫu nguyên vật liệu chính: trừ những nguyên vật liệu chính là vàng, đá quý và những hàng hóa không thể bảo quản mẫu lâu dài được, cơ quan hải quan phải lấy mẫu để làm cơ sở đối chiếu với sản phẩm xuất khẩu sau này.

1.4.4.2. Đăng ký danh mục sản phẩm xuất khẩu, đăng ký định mức

Trước khi làm thủ tục xuất khẩu doanh nghiệp phải đăng ký danh mục sản phẩm xuất khẩu, đăng ký định mức (lượng từng loại nguyên vật liệu tiêu hao, tỷ lệ hao hụt trên một đơn vị sản phẩm) hoặc điều chỉnh định mức đã đăng ký.

1.4.4.3. Thanh khoản nguyên vật liệu nhập khẩu

Doanh nghiệp tiến hành thanh khoản nguyên vật liệu nhập khẩu tại đơn vị hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu nguyên vật liệu.

1.4.4.3.1. Nguyên tắc thanh khoản :

- Tất cả tờ khai xuất khẩu sản phẩm, nhập khẩu nguyên vật liệu đưa vào thanh khoản phải theo thứ tự thời gian, tờ khai xuất nhập khẩu trước thanh khoản trước.

Thực hiện nguyên tắc này giúp cơ quan hải quan kiểm soát được một số trường hợp gian lận qua cân đối thanh khoản như: nguyên vật liệu xuất khẩu nhiều hơn nhập khẩu, định mức khai báo không hợp lý hoặc nguyên vật liệu mua trong nước nhưng không khai báo ...

- Tờ khai nhập khẩu nguyên vật liệu phải có trước tờ khai xuất khẩu sản phẩm.

Về nguyên tắc này phải có nhập nguyên liệu mới đưa vào sản xuất được, qua đó khi cân đối thanh khoản sẽ giúp phát hiện các trường hợp xuất khẩu âm do chưa có nguyên liệu nhập khẩu hoặc do định mức xây dựng cao.

- Một tờ khai nhập khẩu nguyên vật liệu có thể thanh khoản nhiều lần.

Nguyên tắc này xuất phát từ việc do tờ khai nhập khẩu gồm nhiều nguyên liệu khác nhau, cấu thành trong nhiều sản phẩm, được xuất khẩu ở nhiều tờ khai khác nhau. Nếu chờ toàn bộ các nguyên liệu của một tờ khai nhập khẩu đã dùng để sản xuất và xuất khẩu hết mới đưa vào thanh khoản, sẽ phát sinh trường hợp 01 loại nguyên liệu nào đó đã dùng và xuất khẩu rất lâu nhưng không thanh khoản được, do phải chờ nguyên liệu khác xuất khẩu sau đó. Ngoài ra, số thuế của nguyên liệu đã xuất khẩu lại không được thanh

khoản kịp thời, làm tăng số nợ không của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, phải theo dõi những nguyên liệu chưa dùng trong sản phẩm xuất khẩu do chưa đưa tờ khai nhập khẩu vào thanh khoản sẽ rất phức tạp.

- Một tờ khai xuất khẩu sản phẩm chỉ được sử dụng để thanh khoản một lần.

Theo nguyên tắc này, khi đã có sản phẩm xuất khẩu, thì những nguyên liệu nhập khẩu cấu thành trong sản phẩm xuất khẩu đã có và khi thanh khoản sẽ được giảm số thuế phải nộp; đồng thời không theo dõi tờ khai xuất khẩu này nữa, chỉ phải theo dõi số lượng còn tồn của những tờ khai nhập khẩu. Trường hợp một tờ khai xuất khẩu được sử dụng nguồn nguyên liệu nhập khẩu tại 02 đơn vị hải quan khác nhau, thì khi đưa tờ khai xuất khẩu vào thanh khoản, doanh nghiệp cũng phải đưa toàn bộ tờ khai nhập khẩu vào thanh khoản và phải tách thành 02 bộ hồ sơ thanh khoản để giải trình với 02 cơ quan hải quan tỉnh, thành phố khác nhau.

Trường hợp một sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ nguyên vật liệu nhập khẩu theo loại hình nhập kinh doanh và NSXXK thì phần nguyên vật liệu nhập khẩu theo loại hình NSXXK thanh khoản theo loại hình này, phần nguyên vật liệu nhập khẩu theo loại hình nhập kinh doanh làm thủ tục hoàn thuế theo quy định đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa tiêu thụ trong nước sau đó tìm được thị trường xuất khẩu và đưa nguyên vật liệu vào sản xuất hàng hoá xuất khẩu, đã thực xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

1.4.4.3.2. Hồ sơ thanh khoản

Hồ sơ thanh khoản gồm các bảng, biểu và các loại chứng từ theo quy định.

** Các bảng biểu thanh khoản :*

- Bảng kê các tờ khai nhập khẩu nguyên vật liệu đưa vào thanh khoản;
- Bảng kê các tờ khai xuất khẩu sản phẩm đưa vào thanh khoản;

- Báo cáo nguyên vật liệu dùng để sản xuất hàng xuất khẩu;
- Báo cáo nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu nhập khẩu;
- Báo cáo tính thuế trên nguyên vật liệu nhập khẩu;
- Bảng đăng ký danh mục nguyên vật liệu nhập khẩu để trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu;
- Bảng đăng ký danh mục sản phẩm xuất khẩu;
- Bảng kê định mức tiêu hao nguyên vật liệu nhập khẩu của một đơn vị sản phẩm;
- Bảng tổng hợp chứng từ thanh toán hàng sản xuất xuất khẩu;
- Phiếu lấy mẫu nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.

** Các chứng từ kèm theo :*

- Công văn yêu cầu hoàn lại thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp;
- Bảng đăng ký định mức tiêu hao nguyên vật liệu nhập khẩu của một đơn vị sản phẩm;
- Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên vật liệu;
- Hợp đồng nhập khẩu;
- Chứng từ nộp thuế (nếu có);
- Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu có xác nhận thực xuất;
- Hợp đồng xuất khẩu;
- Chứng từ thanh toán qua ngân hàng cho các lô hàng xuất khẩu kèm bảng kê chứng từ thanh toán.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ thanh khoản do doanh nghiệp nộp, cơ quan hải quan sẽ kiểm tra :

- Tính đầy đủ, đồng bộ, hợp lệ của hồ sơ thanh khoản;
- Kiểm tra, đối chiếu số liệu trên tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, định mức với hồ sơ thanh khoản của doanh nghiệp;
- Kiểm tra kết quả tính toán trên bảng thanh khoản;

- Kiểm tra báo cáo tính thuế.

Sau khi kiểm tra hồ sơ thanh khoản đầy đủ, hợp lệ ... cơ quan hải quan sẽ tiến hành bước tiếp theo: thanh khoản nguyên vật liệu nhập khẩu.

1.4.4.3.3. Thanh khoản nguyên vật liệu nhập khẩu

Sau khi kiểm tra hồ sơ thanh khoản, cơ quan hải quan sẽ ra quyết định không thu thuế hoặc hoàn thuế đối với lượng nguyên vật liệu đã đưa vào sản xuất.

Trên cơ sở văn bản đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan hải quan sẽ giải quyết thu thuế đối với nguyên vật liệu dư thừa, không đưa vào sản xuất sản phẩm xuất khẩu theo nguyên tắc thu các loại thuế theo đúng quy định. Đối với nguyên vật liệu nhập khẩu theo giấy phép, doanh nghiệp phải có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

1.5. Các nhân tố tác động đến quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK

Trong giai đoạn hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động xuất nhập khẩu, sự gia tăng của hoạt động NSXXK đòi hỏi cơ quan quản lý phải nâng cao năng lực quản lý, bên cạnh đó sự sửa đổi bổ sung Luật hải quan đã tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu nói chung, hoạt động NSXXK nói riêng được thông thoáng và chặt chẽ.

1.5.1. Sự phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001-2010 được thông qua tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã đặt ra mục tiêu to lớn "... tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại" với GDP năm 2010 tăng trưởng gấp đôi năm 2000, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế, nhịp độ tăng xuất khẩu gấp 2 lần nhịp độ tăng GDP, tổng thu ngân sách nhà nước tăng bình quân hàng năm 8,7%, trong đó thu từ thuế và phí chiếm 94,2%...Việc đẩy mạnh kinh tế đối ngoại dẫn tới lưu lượng hàng hóa xuất

nhập khẩu trên cả nước ngày càng tăng, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2005 đạt 32,2 tỷ USD dự kiến đến năm 2010 đạt 54,6 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu năm 2005 đạt 36,9 tỷ USD năm 2005 dự kiến đến năm 2010 đạt 53,7 tỷ USD; năm 2005 số lượng thương nhân tham gia hoạt động xuất nhập khẩu đạt 24.250, dự báo đến năm 2010 đạt khoảng 98.000 (các thương nhân được cấp mã số thuế) (*nguồn Cục CNTT & Thống kê hải quan*).

Với kim ngạch xuất nhập khẩu và lượng thương nhân tham gia hoạt động xuất nhập khẩu gia tăng; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng sẽ tăng nhanh về tốc độ, đa dạng về chủng loại. Điều này cũng có nghĩa hoạt động NSXXK sẽ gia tăng tương ứng, nguyên vật liệu sản xuất hàng hóa cũng sẽ đa dạng hơn, định mức sẽ thường xuyên thay đổi ... đòi hỏi cơ quan hải quan phải nâng cao năng lực, đổi mới quy trình quản lý theo hướng đơn giản hóa, hiện đại hóa ... mới có thể đáp ứng được yêu cầu thực tế.

1.5.2. Sự sửa đổi, bổ sung Luật hải quan

Luật hải quan được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2001 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2002, sau 04 năm thực hiện đã phát huy hiệu quả tương đối toàn diện, đã được Chính phủ, cộng đồng doanh nghiệp đánh giá là đã tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, thu hút đầu tư và hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên qua quá trình thực hiện Luật hải quan cũng bộc lộ một số hạn chế chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn : chưa quy định những nguyên tắc đảm bảo cho thực hiện tối thiểu kiểm tra thực tế hàng hóa, chưa đảm bảo đủ cơ sở pháp lý cho việc triển khai thủ tục hải quan điện tử, ... chưa đáp ứng được yêu cầu tiến hành hiện đại hóa quản lý hải quan và hội nhập quốc tế. Trong giai đoạn này Việt Nam đang tích cực đàm phán để gia nhập WTO, theo những cam kết trong các hiệp định song phương và các nghĩa vụ của một thành viên WTO, Việt Nam phải thực hiện Hiệp định thuế quan và thương mại (Hiệp định

trị giá GATT), Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs), Công ước Kyoto về đơn giản và thống nhất hóa thủ tục hải quan (Công ước Kyoto sửa đổi 1999), Công ước hệ thống mô tả hài hòa và mã hóa hàng hóa (Công ước HS),... điều này đòi hỏi các quy định về hải quan phải được công khai, minh bạch, đơn giản hóa hơn nữa, đáp ứng được các chuẩn mực quốc tế; hài hòa với những quy định của các đối tác thương mại với Việt Nam, tạo hành lang pháp lý để thực hiện cải cách hành chính và hiện đại hóa hoạt động hải quan.

Để đáp ứng các yêu cầu trên, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hải quan sửa đổi bổ sung đã được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006. Một trong những nội dung cơ bản được sửa đổi bổ sung trong Luật là :

- Luật sửa đổi đã bổ sung quy định về nguyên tắc kiểm tra hải quan theo phương pháp quản lý rủi ro, chủ yếu dựa trên cơ sở phân tích thông tin, đánh giá mức độ rủi ro về vi phạm pháp luật hải quan, nguyên tắc này làm cơ sở cho việc quy định kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa và KTSTQ, đây là vấn đề mấu chốt của quản lý hải quan hiện đại. Với nguyên tắc này mục tiêu đặt ra là : việc kiểm tra hải quan được tiến hành có trọng điểm dựa trên việc phân tích và xử lý thông tin để công chức hải quan có thẩm quyền quyết định mức độ kiểm tra, vừa tạo thuận lợi cho thương mại vừa đảm bảo quản lý nhà nước.

- Quy định về KTSTQ : Luật sửa đổi đã mở rộng phạm vi KTSTQ đối với các trường hợp không chỉ có dấu hiệu vi phạm mà còn được thực hiện dựa trên cơ sở phân tích thông tin để cơ quan hải quan quyết định kiểm tra. Luật hải quan trước đây quy định KTSTQ chỉ được thực hiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan, quy định này tránh được việc cơ quan hải quan tùy tiện, kiểm tra tràn lan song lại đồng nghĩa với việc KTSTQ tức là doanh nghiệp có vi phạm pháp luật, do vậy một doanh nghiệp bị KTSTQ sẽ bị ảnh hưởng đến uy tín. KTSTQ thực chất là khâu nghiệp vụ tiếp theo của

kiểm tra hải quan, qua kiểm tra cơ quan hải quan có thêm thông tin để quyết định hình thức kiểm tra, giám sát thích hợp, cùng với việc mở rộng diện hàng hóa được miễn kiểm tra thực tế khi làm thủ tục hải quan thì cần thiết phải có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các vi phạm. Trong hoạt động NSXXK, quy định nói rộng này giúp cơ quan hải quan có thể xây dựng kế hoạch KTSTQ định kỳ đối với những doanh nghiệp có số thuế được hoàn lớn, định mức cao, nguyên vật liệu có thuế suất cao ...

Kết luận chương I

Hoạt động NSXXK thực chất là hoạt động xuất nhập khẩu, do vậy phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan hải quan. Tuy nhiên hoạt động này lại có đặc điểm riêng ở chỗ nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu được nợ thuế nhập khẩu 275 ngày, do vậy thủ tục hải quan và nội dung quản lý của hải quan đối với hoạt động NSXXK cũng có điểm khác biệt : ngoài việc thực hiện như đối với hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu thông thường, cơ quan hải quan còn phải tập trung chủ yếu vào quản lý định mức nguyên vật liệu, quản lý nợ thuế nguyên vật liệu nhập khẩu và tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ thanh khoản khi sản phẩm sản xuất từ nguyên vật liệu nhập khẩu đã thực xuất khẩu thông qua quy trình, thủ tục cụ thể.

CHƯƠNG II :
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HẢI QUAN
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NHẬP SẢN XUẤT XUẤT KHẨU
TẠI CỤC HẢI QUAN ĐỒNG NAI

2.1. Thực trạng hoạt động NSXXK trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

2.1.1. Đặc điểm lợi thế của tỉnh Đồng Nai trong hoạt động NSXXK

Với diện tích gần 5.900km² và vị trí địa lý thuận lợi : phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương là tỉnh có nền kinh tế phát triển mạnh và khá năng động với nhiều khu công nghiệp tập trung lớn đã và đang hình thành; phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận; phía Tây giáp thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật lớn của cả nước; Đồng Nai có thể sử dụng hệ thống dịch vụ và các công trình kỹ thuật hạ tầng hiện có của thành phố Hồ Chí Minh và Bà Rịa - Vũng Tàu, đặc biệt là hệ thống cảng biển và sân bay quốc tế lớn nhất phía Nam để khai thác đường hàng không và hàng hải quốc tế phục vụ nhanh chóng, kịp thời, thuận tiện cho hoạt động xuất nhập khẩu và đầu tư. Đồng Nai có địa hình, địa chất thuận lợi cho việc phát triển nhiều khu, cụm công nghiệp tập trung và công trình xây dựng. Bên cạnh đó, Đồng Nai là tỉnh có nguồn lao động dồi dào, phần lớn là lực lượng lao động trẻ, có trình độ văn hóa khá, có khả năng tiếp thu vận dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại của thế giới, có giá nhân công rẻ là một yếu tố thuận lợi cho hoạt động NSXXK.

Do có nhiều thuận lợi để phát triển công nghiệp, đến năm 2010, chưa kể các cụm tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ, Đồng Nai đã quy hoạch và phát triển hơn 11.000 ha đất khu công nghiệp tập trung, trong đó tính đến nay Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 24 khu công nghiệp với diện tích 6.521 ha, trở thành địa phương dẫn đầu cả nước trong việc xây dựng phát

triển khu công nghiệp. Các khu công nghiệp, kết cấu hạ tầng đã và đang được xây dựng đồng bộ, đã bố trí trên 60% diện tích đất và đang sẵn sàng đón nhận các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Tại Đồng Nai, hiện nay đầu tư trực tiếp của nước ngoài có gần 700 giấy phép của các doanh nghiệp thuộc 30 quốc gia và vùng lãnh thổ với vốn đăng ký trên 9,4 tỷ USD, là tỉnh thu hút đầu tư nước ngoài xếp thứ ba Việt Nam sau thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Xu hướng đầu tư nước ngoài vào Đồng Nai tập trung vào các ngành công nghiệp có tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu cao như: điện, điện tử, cơ khí, dệt, giày da, may mặc... (chiếm 93% số dự án và 97% giá trị xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài).

Thực hiện chính sách mở cửa thu hút vốn đầu tư nước ngoài, Đồng Nai tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường cải cách thủ tục hành chính một cách toàn diện theo phương châm “Chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp”, khai thác triệt để những tiềm năng và lợi thế so sánh vốn có, kết hợp vận dụng những chính sách và thiện chí khuyến khích đầu tư của tỉnh, hy vọng các nhà đầu tư sẽ quan tâm đầu tư vào Đồng Nai nhiều hơn nữa.

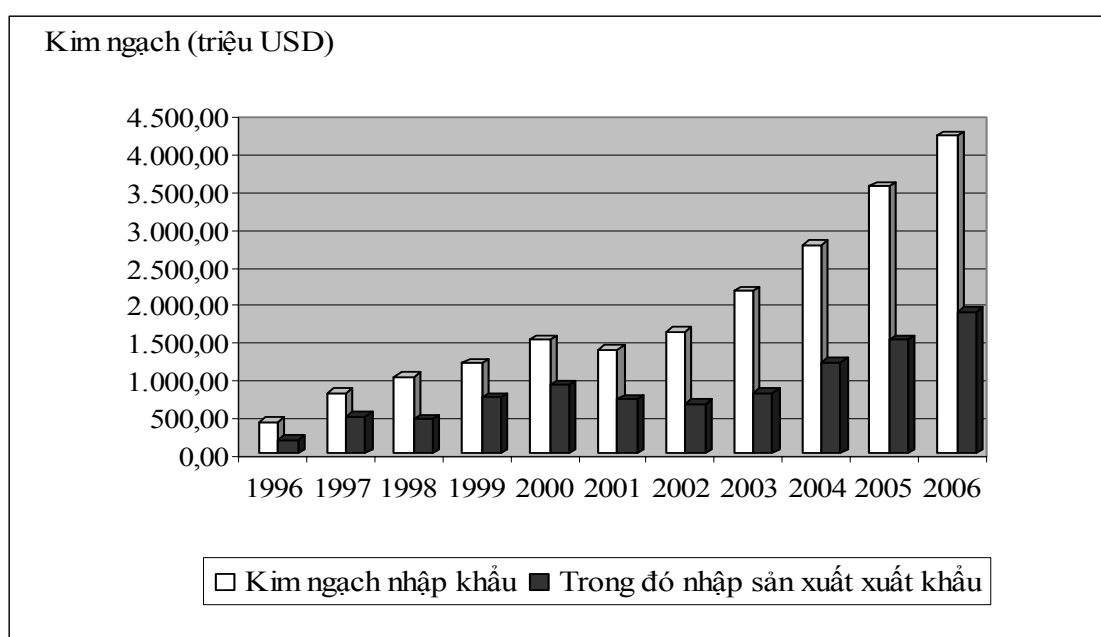
2.1.2. Kết quả hoạt động NSXXK trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Ở Đồng Nai, trước khi Nhà nước có chính sách mở cửa, hoạt động NSXXK gần như chưa phát triển. Hoạt động ngoại thương bấy giờ chủ yếu dựa vào khai thác nguồn nguyên liệu nông lâm sản trong Tỉnh để sản xuất chế biến xuất khẩu hoặc xuất thô là chính như gỗ ván sàn, ván ép, ván okal, chuối sấy, hạt điều, cà phê, cao su, mây tre đan, hàng thêu, sơn mài.... Từ sau khi Đảng, Nhà nước thực hiện chính sách “đổi mới” nền kinh tế, quán triệt chủ trương của Đảng và Nhà nước về khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế đối ngoại với chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu, thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế thì hoạt động NSXXK ở tỉnh Đồng Nai mới có bước phát triển mạnh mẽ cả về quy mô lẫn tốc độ.

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Đồng Nai thì kim ngạch xuất, nhập khẩu của loại hình NSXXK hàng năm đều chiếm tỷ trọng cao trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn Tỉnh. Năm 1996 kim ngạch xuất nhập khẩu loại hình NSXXK chỉ là 387,77 triệu USD thì năm 2002 tăng lên đến 1.577,79 triệu USD và năm 2006 là 4.672,14 triệu USD, gấp 3 lần so với năm 2002 và gấp 12 lần so với năm 1996.

Kim ngạch nhập khẩu loại hình NSXXK chiếm tỷ trọng bình quân 46,19% kim ngạch nhập khẩu của Tỉnh, giai đoạn 2002 - 2006 đạt mức 6.038,64 triệu USD tăng 1,73 lần so với giai đoạn 1996-2001 (đạt 3.484,61 triệu USD) (xem biểu đồ 2.1 và phụ lục 03).

Biểu đồ 2.1. Số lượng kim ngạch nhập khẩu từ năm 1996 - 2006 của Tỉnh

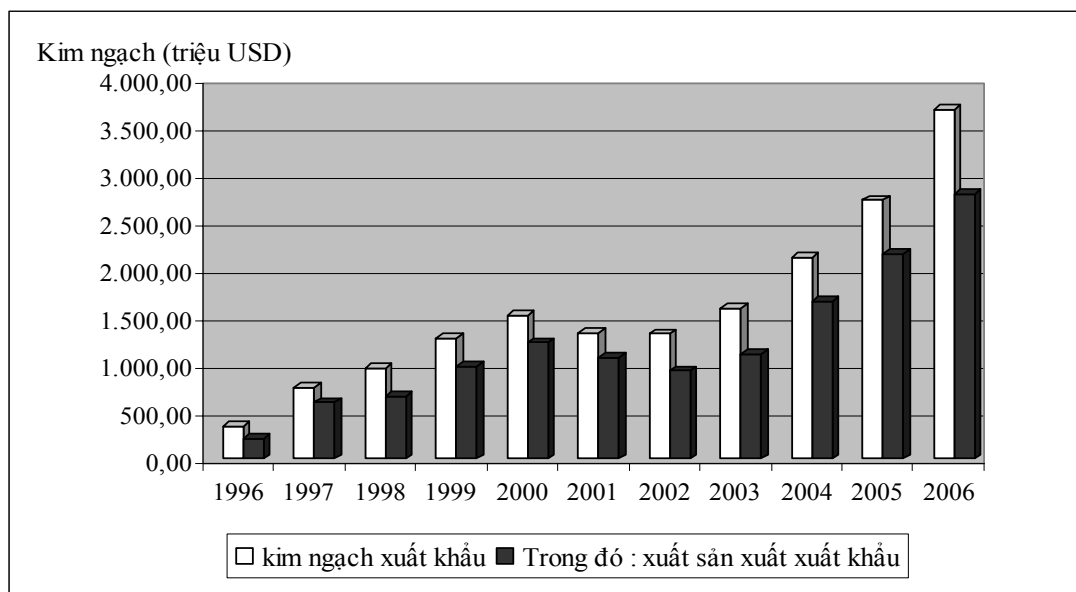


(Nguồn: số liệu thống kê hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai)

Kim ngạch xuất khẩu loại hình NSXXK chiếm tỷ trọng bình quân 76% kim ngạch xuất khẩu của Tỉnh, tốc độ tăng bình quân hàng năm 37,09%, riêng trong hai năm 2001 - 2002 tốc độ giảm là do các nhà đầu tư gặp khó khăn về tài chính, thị trường tiêu thụ; năm 2006 kim ngạch đạt 2.794,59 triệu USD gấp 3,02 lần so với năm 2002 (đạt 924,38 triệu USD) và gấp 13,35 lần năm 1996 (đạt 209,34 triệu USD); giai đoạn 2002 - 2006 đạt

8.628,06 triệu USD tăng 1,83 lần so với giai đoạn 1996-2001 (đạt 4.711,23 triệu USD) (xem biểu đồ 2.2 và phụ lục 04).

Biểu đồ 2.2. Số lượng kim ngạch xuất khẩu từ năm 1996 - 2006 của Tỉnh



(Nguồn: số liệu thống kê hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai)

Chủng loại hàng hóa NSXXK ở Đồng Nai chủ yếu là các mặt hàng giày da, may mặc,... và đã đi từ mặt hàng sản xuất giản đơn đến những mặt hàng theo tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật cao như giày Nike, giày Adidas, các mặt hàng quần áo của các hiệu nổi tiếng của Nhật, Châu Âu. Một số doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp đầu tư nước ngoài nhập nguyên liệu về sản xuất các sản phẩm xuất khẩu có hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao, sản phẩm có giá trị cao như : kim cương, đá quý, bo mạch máy vi tính, hàng điện tử : máy giặt, máy lạnh, tủ lạnh, ti vi ...

Về khách hàng : bên cạnh những khách hàng quen thuộc ban đầu như Đài Loan, Hàn Quốc, Singapore,... đến nay các doanh nghiệp ở tỉnh Đồng Nai đã quan hệ mở rộng thị trường với hầu hết các nước trên thế giới, đặc biệt các thị trường lớn, đòi hỏi chất lượng cao như : EU, Nhật Bản, Canada, Mỹ ... Nhìn chung thị trường hàng NSXXK của Đồng Nai đã có nhiều triển vọng khi Việt Nam là thành viên của các các hiệp hội, tổ chức kinh tế quốc tế (ASEAN, WTO,...)

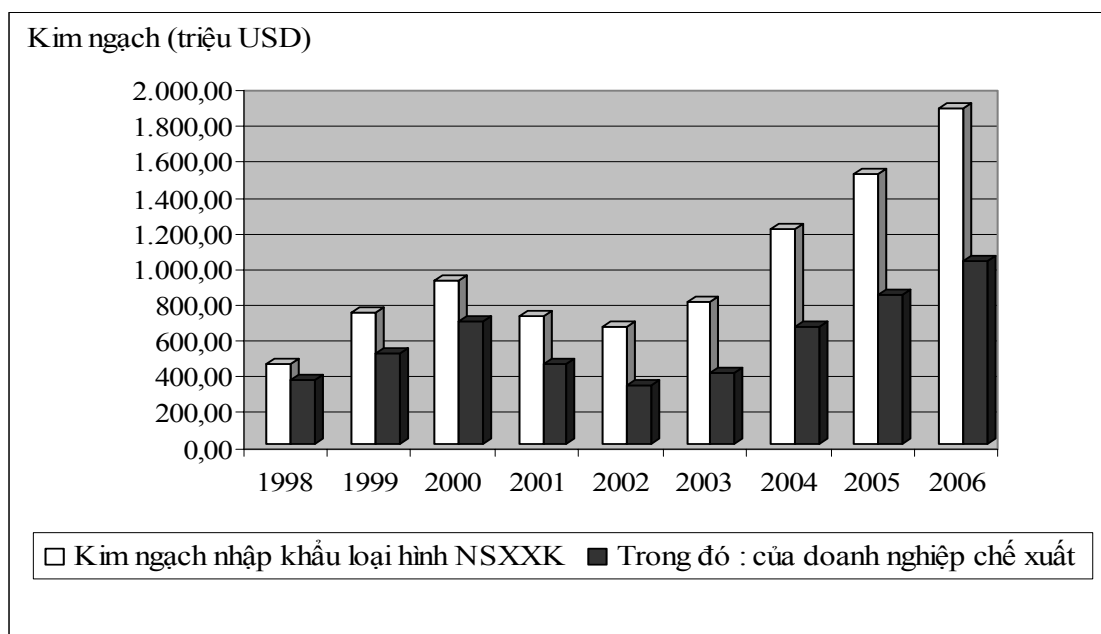
Về phương thức kinh doanh : trong thời gian đầu, do khó khăn về thị trường, về vốn nên đa số các doanh nghiệp ở Đồng Nai áp dụng phương thức gia công xuất khẩu thuần túy : nhận nguyên liệu - giao thành phẩm. Nhưng thời gian sau này đã có nhiều doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư sản xuất hoặc mua nguyên liệu trong nước, tăng tỷ lệ “nội địa hóa trong sản phẩm xuất khẩu”, đã khai thác được nhiều nguyên phụ liệu trong nước như : đế giày, bồi vải, giấy lót, dây giày ...Đối với ngành sản xuất hàng dệt may xuất khẩu đã cung cấp được phần lớn các nguyên phụ liệu như vải lót, dây kéo, keo dính... Đây là một bước phát triển đúng đắn nhằm phát huy triệt để các lợi thế của Đồng Nai trong phương thức NSXXK, đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao, dần dần chủ động trong giao dịch mua bán quốc tế.

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, ngoài các doanh nghiệp đóng tại khu công nghiệp tập trung KCN Biên Hòa 1, KCN Biên Hòa 2, KCN Nhơn Trạch ... còn có 25 doanh nghiệp chế xuất đóng tại khu chế xuất Long Bình và 17 doanh nghiệp chế xuất nằm ngoài khu chế xuất (không nằm trong khu chế xuất Long Bình mà nằm rải rác trong KCN Biên Hòa 2, KCN Amata, huyện Vĩnh Cửu, huyện Long Thành, xã Hóa An). Doanh nghiệp chế xuất nằm ngoài khu chế xuất là doanh nghiệp không nằm trong khu chế xuất tập trung nhưng hưởng những ưu đãi và quy chế hoạt động như doanh nghiệp nằm trong khu chế xuất.

Hiện nay các doanh nghiệp chế xuất chủ yếu hoạt động theo hai loại hình là nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu và gia công hàng hoá xuất khẩu.

Kim ngạch nhập khẩu loại hình NSXXK của doanh nghiệp chế xuất chiếm tỷ lệ bình quân 59,25% kim ngạch nhập khẩu loại hình NSXXK trên địa bàn tỉnh; năm 2006 đạt 1.021,74 triệu USD gấp 2,84 lần so với năm 1998 (đạt 360,32 triệu USD) (*xem biểu đồ 2.3 và phụ lục 05*).

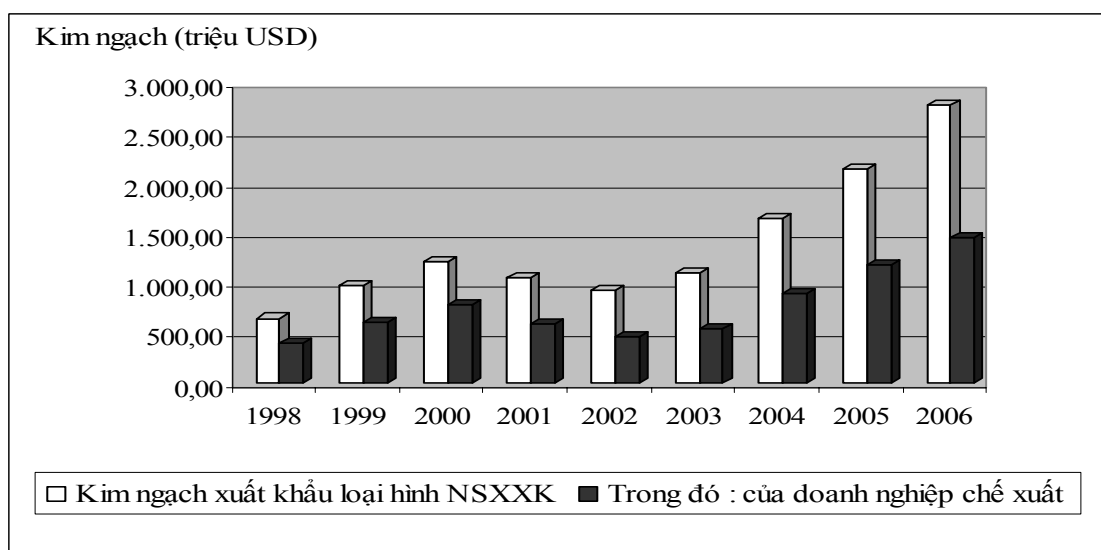
Biểu đồ 2.3. Số lượng kim ngạch nhập khẩu loại hình NSXXK từ năm 1998 - 2006 của doanh nghiệp chế xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai



(Nguồn: số liệu thống kê hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai)

Kim ngạch xuất khẩu loại hình NSXXK của doanh nghiệp chế xuất chiếm tỷ lệ bình quân 55,32% kim ngạch xuất khẩu loại hình NSXXK trên địa bàn tỉnh; năm 2006 đạt 1.454,86 triệu USD gấp 3,65 lần so với năm 1998 (đạt 398,36 triệu USD) (xem biểu đồ 2.4 và phụ lục 06).

Biểu đồ 2.4. Số lượng kim ngạch xuất khẩu loại hình NSXXK từ năm 1998 - 2006 của doanh nghiệp chế xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai



(Nguồn: số liệu thống kê hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai)

Việc phát triển mạnh loại hình NSXXK trên địa bàn Tỉnh đã góp phần giải quyết việc làm cho hàng trăm ngàn lao động, qua đó đã giúp đào tạo hàng vạn công nhân lành nghề, làm tăng thu nhập, đời sống của người dân.

2.2. Thực trạng công tác quản lý Hải quan đối với hoạt động NSXXK tại Cục Hải quan Đồng Nai

2.2.1. Giới thiệu về Cục Hải quan Đồng Nai

Sau gần 10 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng lãnh đạo, tỉnh Đồng Nai có nhiều chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế xã hội (GDP trong giai đoạn những năm đầu thập niên 90 tăng bình quân 14%). Kết cấu hạ tầng khá thuận lợi cho việc thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển kinh tế. Nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ đã sớm lựa chọn Đồng Nai làm nơi đầu tư, nhiều khu công nghiệp đã hình thành và phát triển.

Xuất phát từ yêu cầu phục vụ và quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa ngày càng gia tăng của các Khu công nghiệp trên địa bàn, ngày 1 tháng 4 năm 1994 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 137/TTg thành lập Cục Hải quan Đồng Nai với nhiệm vụ thực hiện quản lý nhà nước về hải quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Cục Hải quan Đồng Nai là cơ quan hải quan cấp tỉnh, trực thuộc Tổng cục Hải quan Việt Nam, với mô hình đặc thù đầu tiên trong cả nước là cơ quan hải quan quản lý địa bàn ba không: *không cửa khẩu biên giới, không sân bay quốc tế và không hải cảng quốc tế*, nhưng sự ra đời của Cục Hải quan Đồng Nai kịp thời và cần thiết, đáp ứng hoạt động xuất nhập khẩu của các nhà đầu tư ngày càng nhiều trên địa bàn Tỉnh.

Từ 29 cán bộ công chức khi thành lập, Cục Hải quan Đồng Nai đã phát triển lực lượng với biên chế hiện nay hơn 240 người (chiếm 2,7% biên chế toàn ngành), giải quyết thủ tục cho hàng hoá có giá trị kim ngạch chiếm

- Các phòng tham mưu gồm : phòng Nghiệp vụ, phòng Tham mưu xử lý & thu thập xử lý thông tin, Đội Kiểm soát Hải quan, phòng Thanh tra - Kiểm tra, phòng Tổ chức cán bộ, Văn phòng, Trung tâm Dữ liệu - CNTT với chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo Cục trong các lĩnh vực liên quan đến nghiệp vụ, công tác tổ chức, thanh tra, kiểm tra . . . của Cục Hải quan Đồng Nai.

- Các chi cục trực thuộc gồm : Chi cục Hải quan Biên Hòa, Chi cục Hải quan Khu chế xuất Long Bình, Chi cục Hải quan Thống Nhất, Chi cục Hải quan Nhơn Trạch, Chi cục Hải quan Long Thành, Chi cục Hải quan Long Bình Tân, Chi cục Hải quan Bình Thuận và Chi cục KTSTQ.

Trong đó Chi cục KTSTQ được thành lập ngày 27/06/2006 (tiền thân là phòng Kiểm tra sau thông quan) với chức năng nhiệm vụ chủ yếu là tham mưu, hướng dẫn về công tác KTSTQ trong toàn cơ quan và trực tiếp thực hiện công tác KTSTQ chuyên sâu đối với các vụ việc có dấu hiệu gian lận thương mại trong các lĩnh vực : trị giá tính thuế, thuế suất, ...

Các chi cục còn lại là đơn vị trực thuộc Cục Hải quan Đồng Nai có chức năng trực tiếp thực hiện các quy định quản lý nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, tổ chức thực hiện pháp luật về thuế và thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trong phạm vi địa bàn chi cục đảm trách.

Cán bộ công chức Cục Hải quan Đồng Nai 90% đã tốt nghiệp đại học và cao đẳng các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu công việc (kinh tế, tài

Hải quan Đồng Nai đã là đơn vị đầu tiên của ngành mạnh dạn xây dựng và đưa trang thông tin của Cục lên website phục vụ doanh nghiệp, các chương trình ứng dụng tin học của ngành Hải quan được khai thác hiệu quả tại Cục Hải quan Đồng Nai, ngoài ra đơn vị còn xây dựng và đưa vào phục vụ công tác nghiệp vụ các chương trình ứng dụng như chương trình quản lý công văn, chương trình phân công kiểm hóa, chương trình quản lý nhân sự, chương trình quản lý seal, chương trình tra cứu mã số thuế...

Kết thúc nhiệm vụ 5 năm đầu tiên, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu làm thủ tục qua Hải quan Đồng Nai tăng hơn 6 lần và số thuế thu tăng 4,7 lần so với năm đầu tiên (1995). Kết thúc nhiệm vụ năm 2006, con số kim ngạch xuất nhập khẩu làm thủ tục qua Hải quan Đồng Nai đã tăng 21 lần, thu thuế xuất nhập khẩu tăng 22,71 lần so với năm 1995.

Những đóng góp của Hải quan Đồng Nai cho nền kinh tế tỉnh nhà trong thời gian qua là không nhỏ và rất có ý nghĩa trong bối cảnh thu hút đầu tư nước ngoài đang có nhiều cạnh tranh.

2.2.2. Thực trạng công tác quản lý Hải quan đối với hoạt động NSXXK tại Cục Hải quan Đồng Nai

Do đặc thù tại Cục Hải quan Đồng Nai là công tác quản lý hải quan đối với hoạt động NSXXK chiếm phần lớn, vì vậy ngoài việc quản lý theo đúng quy trình, thủ tục đã được ban hành, Cục Hải quan Đồng Nai còn có những biện pháp riêng nhằm quản lý hoạt động NSXXK đạt hiệu quả cao, cụ thể như sau :

2.2.2.1. Biện pháp quản lý nợ thuế đối với nguyên vật liệu nhập khẩu

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các Chi cục hải quan trực thuộc Cục Hải quan Đồng Nai là đơn vị trực tiếp thực hiện các

Theo qui trình nghiệp vụ, cán bộ đăng ký tờ khai của các chi cục căn cứ vào số thuế tự khai báo của doanh nghiệp trên tờ khai hải quan, lập “chứng từ ghi số thuế phải thu” và nhập số thuế phải thu vào chương trình quản lý thuế để cán bộ kế toán thuế theo dõi nợ thuế của doanh nghiệp với thời gian ân hạn thuế 275 ngày.

Cán bộ phụ trách công tác giá thuế của chi cục có trách nhiệm kiểm tra lại giá tính thuế, mã số thuế hàng hoá, thuế suất và việc tính toán số thuế phải nộp của doanh nghiệp để đưa ra quyết định điều chỉnh (nếu có).

Cán bộ kế toán thuế căn cứ vào chứng từ ghi sổ và các quyết định điều chỉnh thuế (nếu có) tiến hành theo dõi nợ thuế và thanh khoản thuế cho doanh nghiệp khi có hàng hóa thực xuất khẩu.

Để việc quản lý thuế được chặt chẽ, tránh tình trạng nợ thuế, theo dõi thuế kéo dài; trên cơ sở các văn bản pháp quy đã được ban hành, Cục Hải quan Đồng Nai đã có văn bản hướng dẫn thực hiện thống nhất trong toàn đơn vị các biện pháp đốc thu thuế và thanh khoản cụ thể như sau:

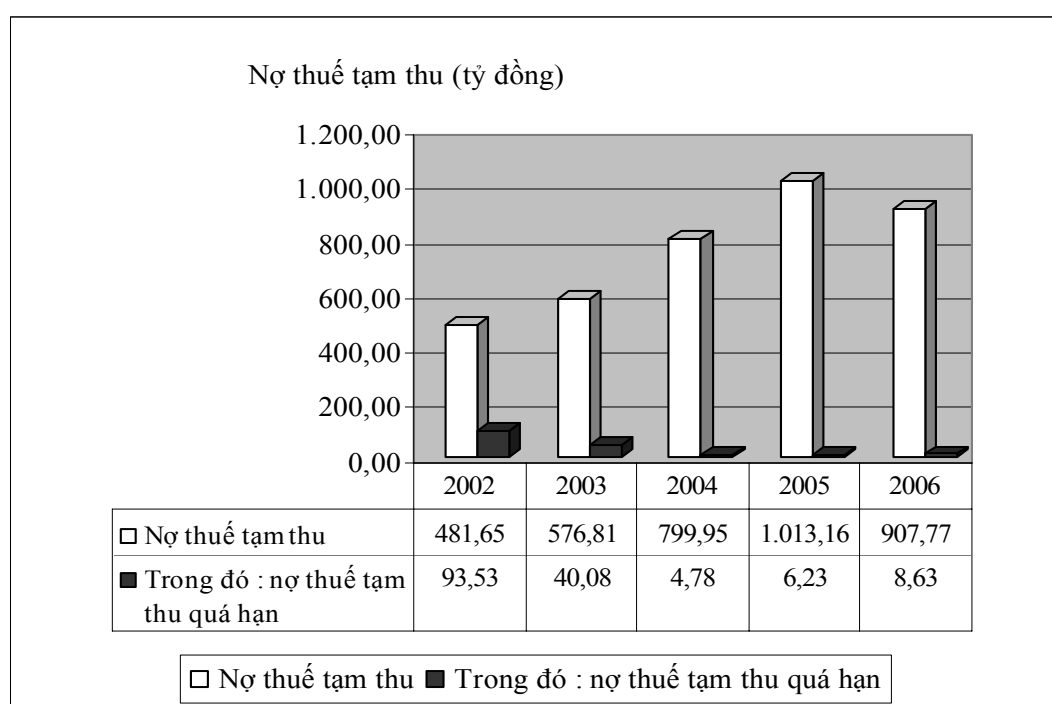
2.2.2.1.1. Biện pháp đốc thu thuế

Hàng ngày cán bộ theo dõi nợ thuế kiểm tra trên chương trình quản lý thuế, trường hợp đến hạn 275 ngày nhưng doanh nghiệp chưa nộp hồ sơ thanh khoản thì lập giấy mời Giám đốc doanh nghiệp đến để làm việc, yêu cầu doanh nghiệp nộp hồ sơ thanh khoản (trong trường hợp đã xuất khẩu sản phẩm) hoặc nộp thuế nhập khẩu, thuế VAT (trong trường hợp sản phẩm chưa xuất khẩu hoặc không sản xuất sản phẩm). Nếu quá thời gian quy định nhưng doanh nghiệp không có sản phẩm xuất khẩu hoặc không nộp hồ sơ thanh khoản thì yêu cầu doanh nghiệp phải nộp thuế vào tài khoản tạm thu của cơ quan hải quan mở tại kho bạc nhà nước địa phương, nếu không

05 ngày trước thời hạn áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định (90 ngày kể từ ngày quá hạn nộp thuế), cơ quan hải quan gửi thông báo đốc thu đến doanh nghiệp. nếu quá ngày thứ 90 doanh nghiệp không làm thủ tục thanh khoản, không nộp thuế thì buộc phải thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Với các biện pháp quản lý nợ thuế như trên, nợ thuế tạm thu quá hạn tại Cục Hải quan Đồng Nai những năm gần đây đã giảm, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số nợ thuế tạm thu. (xem biểu đồ 2.5 và phụ lục 07)

Biểu đồ 2.5. Tình hình nợ thuế tạm thu, nợ thuế tạm thu quá hạn tại Cục Hải quan Đồng Nai ngày 31/12 các năm từ 2002 đến 2006



(nguồn : Báo cáo nợ thuế tạm thu quá hạn ngày 31/12 hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai).

(Cuối năm 2006 nợ thuế tạm thu quá hạn là 8,63 tỷ đồng, trong đó bao gồm 7 tỷ đồng nợ thuế tạm thu của công ty Xe đạp con RỒNG do công ty bị Liên minh Châu Âu kiện bán phá giá mặt hàng xe đạp nên không sản xuất

Việc phát sinh nợ thuế tạm thu quá hạn là do một trong những nguyên nhân sau:

- Doanh nghiệp không đến thanh khoản;
- Doanh nghiệp còn thiếu chứng từ thanh toán của lô hàng xuất khẩu.

Trong một số hợp đồng xuất khẩu, thời hạn thanh toán hợp đồng được ký kết dài hơn thời gian quy định nộp hồ sơ thanh khoản, do vậy đến hạn thanh khoản, doanh nghiệp vẫn chưa được thanh toán cho lô hàng xuất khẩu, vì vậy chưa có chứng từ thanh toán để nộp cho cơ quan hải quan.

- Doanh nghiệp giải thể, phá sản, mất tích, không tìm thấy địa chỉ ...

2.2.2.1.2. Biện pháp đơn đốc thanh khoản thuế

Quá thời hạn 275 ngày, doanh nghiệp đã nộp thuế tạm thu nhưng chưa làm thủ tục thanh khoản có thể do một trong những nguyên nhân: đang trong quá trình sản xuất sản phẩm, nguyên vật liệu đã sử dụng vào mục đích khác không đưa vào sản xuất, chưa tìm được thị trường xuất khẩu sản phẩm, giá trị thuế sẽ được hoàn trả nhỏ nên không lập hồ sơ thanh khoản, ... do vậy để hạn chế việc cơ quan hải quan phải theo dõi thuế tạm thu đã nộp kéo dài, Cục Hải quan Đồng Nai có những biện pháp đơn đốc thích hợp :

- Trên cơ sở báo cáo quyết toán thuế hàng tháng, cơ quan hải quan thông báo mời các doanh nghiệp có liên quan đến đối chiếu số dư trên tài khoản tiền thuế tạm thu (số phải hoàn, số đã hoàn, số còn theo dõi) và nhắc nhở doanh nghiệp tiến hành thanh khoản số thuế đã tạm nộp này. Nếu doanh nghiệp vẫn không thanh khoản thì sẽ yêu cầu doanh nghiệp giải trình việc không thanh khoản và xử lý như sau:

- + Qua giải trình nếu doanh nghiệp đã xuất khẩu hết thì hướng dẫn doanh nghiệp làm thủ tục hoàn thuế, xác định thời gian hoàn thuế cụ thể và

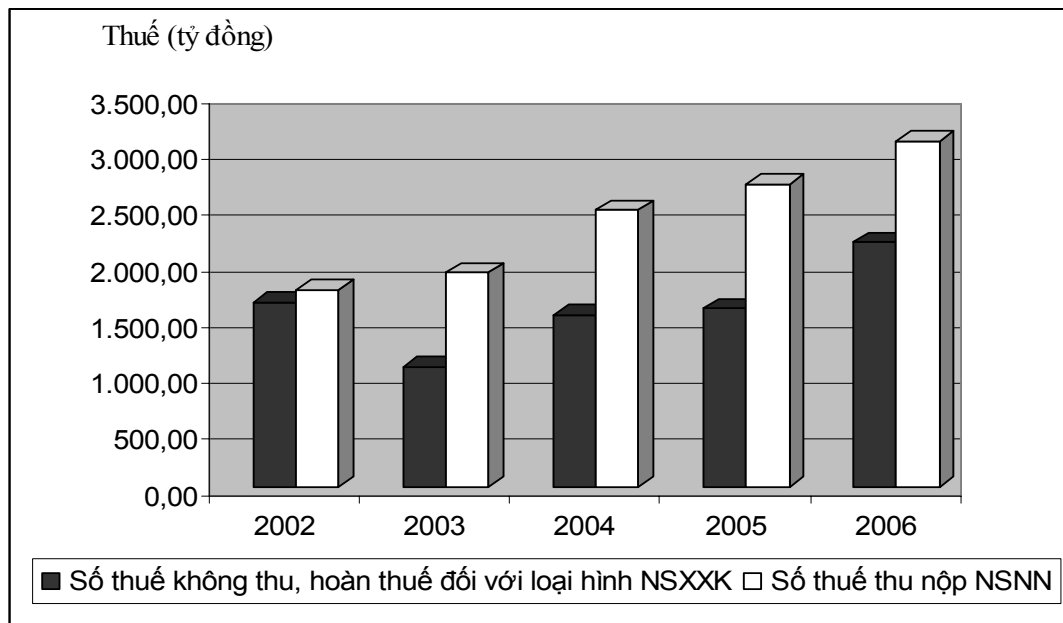
+ Nếu doanh nghiệp chưa xuất khẩu vì lý do hợp lý như: hàng là nguyên liệu tồn kho chưa đưa vào sản xuất; sản phẩm tồn kho chưa có thị trường xuất khẩu ...: trên cơ sở giải trình của doanh nghiệp, cơ quan hải quan có thể tiến hành kiểm kê thực tế hàng tồn kho.

- Trường hợp nguyên liệu, sản phẩm không còn tồn kho hoặc doanh nghiệp giải trình không hợp lý, cơ quan hải quan sẽ tính toán lại thuế chuyển nộp ngân sách và tính phạt chậm nộp từ ngày thứ 31 theo quy định và chuyển toàn bộ hồ sơ về Chi cục KTSTQ để kiểm tra.
- Trường hợp nguyên liệu, sản phẩm còn tồn kho thì tiếp tục theo dõi và xử lý thuế trong đợt rà soát lần sau.

+ Đối với số tiền thuế nhỏ, lẽ doanh nghiệp không làm thủ tục hoàn thuế: cơ quan hải quan cùng với doanh nghiệp xác định nội dung doanh nghiệp không xin hoàn thuế, đề xuất tất toán các trường hợp này và không theo dõi nữa.

- Định kỳ cuối năm Cục Hải quan Đồng Nai sẽ tiến hành rà soát lại số tiền thuế tạm thu, nếu số tiền thuế tạm thu đã nộp quá 01 năm kể từ ngày doanh nghiệp mở tờ khai nhập khẩu đến ngày rà soát nhưng doanh nghiệp không đến thanh khoản, thì sẽ làm thủ tục chuyển tiền thuế vào ngân sách. Khi doanh nghiệp làm thủ tục thanh khoản thì sẽ được hoàn từ ngân sách nhà nước.

Với biện pháp quản lý thuế chặt chẽ đến từng doanh nghiệp, ngay cả khi doanh nghiệp đã nộp thuế, Cục Hải quan Đồng Nai đã kiểm soát được tình hình nợ thuế, hoàn thuế của các doanh nghiệp tham gia hoạt động NSXXK. Trong những năm gần đây, đơn vị đã giải quyết không thu, hoàn thuế đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu đạt tỷ lệ

Biểu đồ 2.6. Số thu thuế tại Cục Hải quan Đồng Nai từ năm 2002-2006

(Nguồn : Báo cáo kế toán thuế hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai)

2.2.2.2. Ứng dụng CNTT trong thanh khoản nguyên vật liệu nhập khẩu

Đặc thù của loại hình NSXXK là được nợ thuế 275 ngày do đó công tác quản lý của Hải quan tập trung chủ yếu vào việc quản lý nợ thuế và thanh khoản nguyên vật liệu.

Để thanh khoản được một bộ hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế cán bộ hải quan phải kiểm tra, đối chiếu số liệu trên tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, định mức với hồ sơ thanh khoản, kiểm tra kết quả tính toán của doanh nghiệp trên bảng thanh khoản, kiểm tra báo cáo tính thuế, ... do vậy đối với bộ hồ sơ thanh khoản có lượng tờ khai lớn, nhiều loại nguyên vật liệu (đơn cử bộ hồ sơ thanh khoản của công ty Muto gồm 200 loại nguyên vật liệu, nhập khẩu từ 200 tờ khai, dùng để sản xuất 220 mã sản phẩm máy quay phim, sản phẩm được đăng ký xuất tại 90 tờ khai xuất khẩu) thì việc kiểm tra thủ công sẽ phải kéo dài nhiều ngày. Ngoài ra thủ tục thanh khoản để ra quyết định hoàn thuế, không thu thuế cần tính toán nhiều làm bằng thủ công

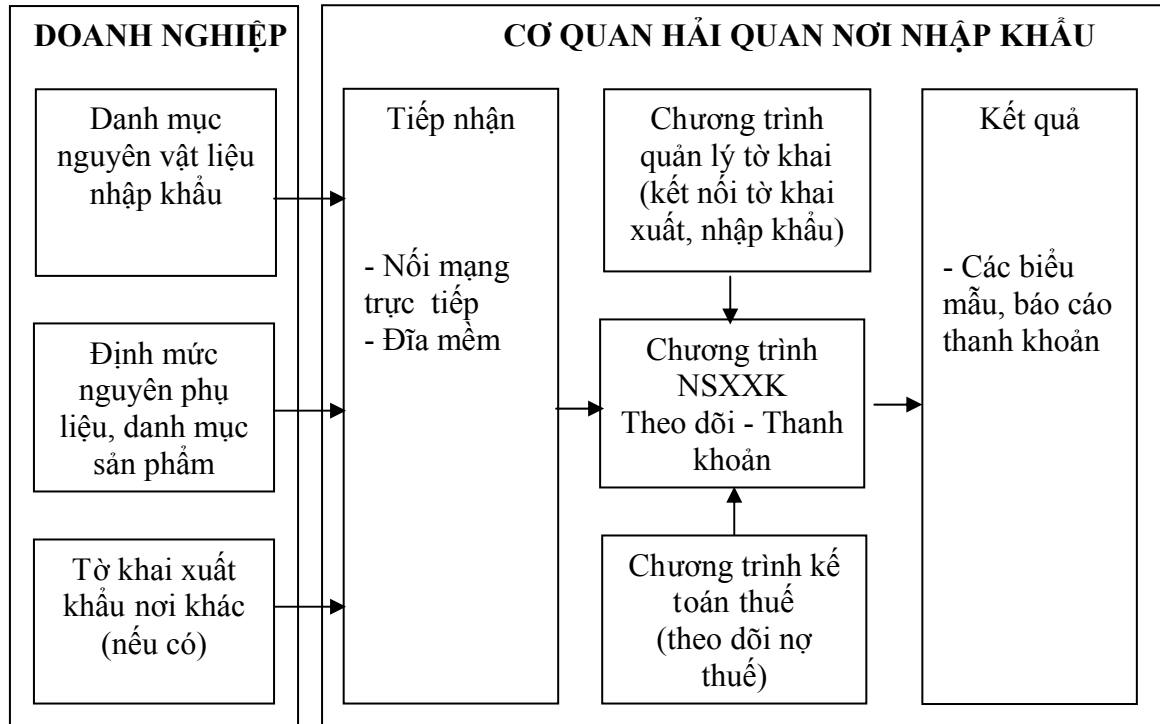
Bên cạnh đó hiện nay phần lớn các doanh nghiệp đều có trang bị kỹ thuật hiện đại, đội ngũ cán bộ có trình độ, sẵn sàng mong muốn hợp tác với cơ quan Hải quan trong ứng dụng CNTT vào công tác quản lý. Trong điều kiện vi tính hóa, để giảm thời gian làm thủ tục, nâng cao hiệu quả kinh tế. Song song xu thế hội nhập trong khu vực yêu cầu nhanh chóng ứng dụng CNTT để hiện đại hóa hoạt động quản lý hải quan, trao đổi thông tin giữa hải quan các nước.

Từ thực tế quản lý nghiệp vụ, Cục Hải quan Đồng Nai đã phối hợp với Cục CNTT&TK thuộc TCHQ xây dựng đề án "*Xây dựng hệ thống ứng dụng CNTT trong quản lý loại hình nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu*". Đề án tập trung vào các mục tiêu sau:

- Xây dựng công cụ hữu hiệu hỗ trợ quản lý hải quan chặt chẽ đối với loại hình này, tạo ra phương pháp quản lý hiện đại;
- Đơn giản hóa, giảm thời gian làm thủ tục hải quan;
- Tiêu chuẩn hóa và thống nhất nghiệp vụ quản lý đối với loại hình NSXXK cho toàn Ngành;
- Nâng cao trình độ ứng dụng CNTT của công chức hải quan;
- Giảm phiền hà, những nhiễu (giảm tiếp xúc hải quan, doanh nghiệp).

Tháng 12/2002, trên cơ sở phê duyệt đề án của Lãnh đạo TCHQ, Cục CNTT & Thống kê đã tổ chức đấu thầu gói thầu "*Xây dựng hệ thống ứng dụng CNTT trong quản lý loại hình nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu*". Tháng 10/2003, phiên bản đầu tiên của hệ thống được hoàn thành và được thử nghiệm tại TCHQ với sự tham gia của Cục Hải quan Đồng Nai. Tháng 11/2003, hệ thống được triển khai thử nghiệm tại Chi cục Hải quan Biên Hòa, đến tháng 12/2004 hệ thống đã được triển khai tại tất cả các Chi cục Hải quan trực thuộc Cục Hải quan Đồng Nai. Cục Hải quan Đồng Nai là

Sơ đồ 2.1 : Mô hình hệ thống về thanh khoản



Hệ thống ứng dụng CNTT trong quản lý loại hình NSXXX có những tính năng sau :

- Quản lý thông tin chi tiết danh mục nguyên vật liệu nhập khẩu, danh mục sản phẩm xuất khẩu của doanh nghiệp, quản lý thông tin đăng ký định mức;
- Quản lý thông tin tờ khai nhập khẩu, xuất khẩu;
- Hỗ trợ lập hồ sơ thanh khoản lượng nguyên vật liệu nhập khẩu, hỗ trợ tính phạt, ra quyết định hoàn thuế, không thu thuế;
- Tích hợp với các hệ thống hiện tại để hỗ trợ nghiệp vụ thuế, thống kê.
- Xây dựng mô hình trao đổi thông tin doanh nghiệp - hải quan và hải quan - hải quan qua phương tiện điện tử, theo mô hình quản lý dữ liệu tập trung, dựa trên mạng diện rộng của TCHQ;

Mặc dù thời gian triển khai chưa dài, tuy nhiên hệ thống đã đạt được những kết quả sau:

- Hệ thống đã cho kết quả chính xác ngay sau khi người sử dụng ra lệnh thanh khoản (thời gian chương trình chạy thanh khoản 01 bộ hồ sơ có số lượng tờ khai trung bình khoảng từ 100 đến 500 tờ khai mất khoảng từ 5 - 10 phút), trong khi trước đây nếu kiểm tra bằng thủ công thời gian này mất khoảng từ 3 đến 5 ngày;

- Cho phép kết xuất các mẫu biểu thanh khoản thuế nhanh, hợp lý và đảm bảo thông tin đầy đủ;

- Bước đầu tích hợp được với các hệ thống khác tạo thành một dây chuyền liên hoàn (hệ thống quản lý và theo dõi thuế, hệ thống quản lý tờ khai).

Tuy nhiên việc triển khai thực hiện chương trình vẫn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc như sau :

- Chương trình có một số điểm chưa hoàn thiện về nghiệp vụ làm giảm hiệu quả sử dụng ví dụ như : Khi doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm, chương trình chưa có cơ chế kiểm tra toàn bộ nguyên vật liệu cấu thành trong sản phẩm xuất khẩu, cân đối với nguồn cung cấp nguyên vật liệu (bao gồm: nhập khẩu theo loại hình NSXXK; nhập khẩu theo loại hình kinh doanh; gia công; mua nội địa, phi mậu dịch ...) mà chỉ kiểm tra sản phẩm xuất khẩu đó có đăng ký định mức hay chưa là đủ, điều này dẫn đến tại thời điểm xuất khẩu, cơ quan hải quan không thể kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp pháp của các nguồn nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm xuất khẩu, phát sinh nguyên vật liệu cân đối âm khi thanh lý hoặc do định mức doanh nghiệp xây dựng cao hơn thực tế phát sinh.

- Để thanh khoản về lượng nguyên liệu nhập khẩu, chương trình thanh khoản NSXXK lấy số liệu tờ khai nhập khẩu, xuất khẩu từ chương trình quản lý tờ khai, việc này nếu doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu

nguyên vật liệu và xuất khẩu sản phẩm tại cùng một đơn vị hải quan thì rất dễ dàng, nhưng trong trường hợp doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu nguyên vật liệu tại đơn vị hải quan này nhưng xuất khẩu sản phẩm tại một đơn vị hải quan khác thì đơn vị hải quan làm thủ tục thanh khoản không thể kiểm tra số liệu tờ khai xuất khẩu trên hệ thống mà phải nhập số liệu trực tiếp vào máy, do hiện nay chương trình sử dụng mạng diện rộng (mạng Wan) để kết nối dữ liệu từ cấp chi cục đến cấp cục nhưng chưa kết nối được giữa các cục hải quan địa phương với nhau.

- Ngoài ra chưa có quy chế quy định rõ công việc cũng như trách nhiệm đến từng cán bộ, công chức hải quan khi tham gia vận hành hệ thống CNTT. Vì vậy, có lúc, có nơi công chức thừa hành vẫn chưa ý thức được công việc mà mình được giao khi vận hành hệ thống dẫn đến lỗi, sai sót...

2.2.2.3. Quản lý đối với hoạt động NSXXK của doanh nghiệp chế xuất

Đặc thù hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan (khu chế xuất) và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hóa đưa từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác là đối tượng không chịu thuế, do đó nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất không thuộc diện phải tạm tính thuế khi làm thủ tục nhập khẩu, cơ quan hải quan không theo dõi thời hạn nợ thuế nguyên vật liệu nhập khẩu 275 ngày mà chỉ quản lý về mặt lượng đầu vào, đầu ra của nguyên vật liệu nhập khẩu thông qua việc thanh khoản định kỳ hàng quý và các báo cáo xuất nhập tồn, kiểm kê cuối năm của doanh nghiệp. Việc quản lý của hải quan về mặt lượng nhằm tránh trường hợp nguyên vật liệu nhập khẩu được đưa vào thị trường nội địa mà không khai báo nộp thuế.

Hàng quý doanh nghiệp chế xuất tiến hành thanh lý nguyên vật liệu với cơ quan hải quan; hàng năm doanh nghiệp chế xuất phải báo cáo số lượng nguyên phụ liệu, bán thành phẩm, thành phẩm, sản phẩm hỏng tồn kho thực tế đến ngày 31 tháng 12.

Tại Cục Hải quan Đồng Nai, với việc ứng dụng CNTT trong thanh khoản, chỉ cần làm tốt các bước nhập liệu đầy đủ chính xác từ các khâu ban đầu như: đăng ký danh mục nguyên vật liệu nhập khẩu, đăng ký tờ khai nhập khẩu, đăng ký danh mục sản phẩm xuất khẩu, đăng ký định mức sản phẩm xuất khẩu, đăng ký tờ khai xuất khẩu ... thì công tác thanh khoản đối với loại hình này chỉ cần mất từ 05 đến 10 phút/01 bộ hồ sơ thanh lý (đối với hồ sơ giản đơn) hoặc 30 đến 45 phút/01 bộ hồ sơ thanh lý (đối với những hồ sơ có số lượng tờ khai lớn).

2.2.3. Những khó khăn, vướng mắc trong quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK

2.2.3.1. Đối với quản lý định mức nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu

Theo quy trình quản lý định mức nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu cơ quan hải quan phải tổ chức lấy mẫu nguyên vật liệu chính, niêm phong và giao doanh nghiệp bảo quản để đối chiếu với sản phẩm khi xuất khẩu (trong thực tế có một số trường hợp cơ quan hải quan phải chụp ảnh các mặt hàng có trị giá cao hoặc kích thước lớn không thể lưu mẫu); doanh nghiệp phải tự khai báo định mức tiêu hao nguyên vật liệu và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về việc khai báo định mức của mình, định mức tiêu hao nguyên vật liệu là cơ sở để tính quy đổi sản phẩm xuất khẩu ra số nguyên vật liệu đã xuất khẩu từ đó so sánh đối chiếu với số nguyên vật liệu đã nhập khẩu. Cơ quan hải quan sẽ chủ trì phối hợp với cơ quan thuế địa phương tổ chức kiểm tra lại định mức thực tế nguyên vật liệu trong trường hợp có nghi vấn hay phát hiện có dấu hiệu gian lận. Từ cách đặt vấn đề và biện pháp xử lý vấn đề như trên trong thực tế đã phát sinh những tồn tại vướng mắc sau :

- Trên thực tế việc sản xuất ra một loại sản phẩm phải từ rất nhiều loại nguyên vật liệu, việc phân chia nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ hoàn toàn theo khai báo của doanh nghiệp, mang tính chủ quan, tương đối.

- Cơ quan hải quan khó có thể đối chiếu mẫu giữa sản phẩm với nguyên vật liệu khi nguyên vật liệu đã thay đổi hình dạng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu.

- Trong sản xuất định mức kỹ thuật sản xuất là khoảng thời gian, lượng nguyên vật liệu... được quy định để hoàn thành một sản phẩm trên cơ sở quy trình công nghệ đã định và tổ chức sản xuất hợp lý. Ngay từ khi bắt đầu sản xuất ra một sản phẩm mới, định mức đưa ra thường không chính xác, qua quá trình sản xuất mới có thể dần rút kinh nghiệm để xây dựng được những định mức tương đối đúng. Đối với sản xuất, định mức là một yếu tố dùng để so sánh, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hải quan và nhà doanh nghiệp chỉ có thể xác định và kiểm tra phần nguyên vật liệu trực tiếp cấu thành vào một số sản phẩm giản đơn như quần áo, giày dép, còn phần tiêu hao thực tế chỉ có thể biết được qua hạch toán kết quả của một quá trình sản xuất kinh doanh cụ thể. Mức tiêu hao khai báo như thế nào cho chính xác là một bài toán khó trong thực tế.

- Thực tế cơ quan hải quan không đủ khả năng để kiểm tra xác định chính xác mức tiêu hao nguyên vật liệu sử dụng sản xuất hàng xuất khẩu khi có nghi vấn.

2.2.3.2. Đối với việc quản lý nợ thuế, thanh khoản thuế

Các văn bản quy phạm hiện nay đã quy định thời hạn nộp thuế, thời hạn nộp hồ sơ hoàn thuế...nhưng không quy định thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ thanh khoản đối với doanh nghiệp nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Do vậy nếu không có biện pháp quản lý chặt chẽ sau khi doanh nghiệp đã nộp đủ thuế, có thể doanh nghiệp sẽ lợi dụng : đến thời hạn nộp thuế doanh nghiệp vẫn nộp thuế đầy đủ nhưng không xuất khẩu sản

Tại điểm 5.2.2 mục I phần E Thông tư số 59/2007/TT-BTC quy định *“Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hóa tiêu thụ trong nước sau đó tìm được thị trường xuất khẩu (thời gian tối đa là 2 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nguyên liệu, vật tư nhập khẩu) và đưa số nguyên liệu, vật tư này vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu, đã thực xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài”* được phép hoàn thuế [10, 477].

Điểm 5.2.5, 5.2.6 mục I phần E Thông tư số 59/2007/TT-BTC quy định *“Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư sản xuất sản phẩm bán cho doanh nghiệp khác để trực tiếp xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài. Sau khi doanh nghiệp mua sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài thì doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư được hoàn thuế nhập khẩu tương ứng với số lượng sản phẩm xuất khẩu”*

“Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất sản phẩm bán cho doanh nghiệp khác để trực tiếp sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu thì sau khi doanh nghiệp sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài; doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư được hoàn thuế nhập khẩu tương ứng với phần doanh nghiệp khác dùng sản xuất sản phẩm và đã thực xuất khẩu”[10, 478].

Nhưng hai trường hợp trên chỉ được xem xét hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu trong thời hạn tối đa 01 năm (tính tròn 365 ngày) kể từ khi nhập khẩu nguyên vật liệu (tính theo ngày đăng ký tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu) đến khi thực xuất khẩu sản phẩm.

Cùng là nội dung được hoàn thuế đối với nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu nhưng thời hạn tối đa để được xem xét hoàn thuế là khác

2.3. Đánh giá tình hình gian lận thuế, gian lận thương mại trong lĩnh vực NSXXK trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

2.3.1. Các hình thức gian lận

Nền kinh tế thế giới đang vận động và phát triển mạnh mẽ theo xu hướng toàn cầu hóa, giao lưu thương mại quốc tế phát triển không ngừng do tính lợi thế so sánh giữa các quốc gia, lưu lượng hàng hóa qua lại các cửa khẩu ngày càng tăng. Điều này đòi hỏi ngành Hải quan phải có những bước cải cách phù hợp với thực tế và những cam kết pháp lý mang tính quốc tế mà Việt Nam đã ký kết tham gia. Theo đó ngành Hải quan đã chuyển từ phương pháp quản lý truyền thống (lấy việc kiểm tra hàng hóa làm căn cứ chính để quản lý) sang phương pháp quản lý hải quan hiện đại (phương pháp quản lý rủi ro). Phương pháp quản lý rủi ro được thực hiện trên cơ sở đánh giá quá trình chấp hành pháp luật của người khai hải quan, có ưu tiên và tạo thuận lợi đối với chủ hàng chấp hành tốt pháp luật về hải quan, qua đó thay vì phải kiểm tra 100% lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu thì cơ quan hải quan sẽ thực hiện việc kiểm tra hàng hóa theo phân luồng do hệ thống thuộc chương trình quản lý rủi ro xác định, cụ thể là nếu hồ sơ thuộc: “luồng xanh” thì thực hiện miễn kiểm tra chi tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa; “luồng vàng” kiểm tra chi tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa; “luồng đỏ” kiểm tra chi tiết hồ

Với phương pháp này, cơ quan hải quan đã hạn chế đến mức thấp nhất sự can thiệp hành chính vào hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp làm ăn chân chính, tự nguyện tuân thủ pháp luật, góp phần làm giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Với hình thức miễn kiểm tra, hàng hóa xuất nhập khẩu được thông quan nhanh chóng, tạo thuận lợi rất lớn cho đại đa số doanh nghiệp, tuy nhiên với phương pháp quản lý rủi ro thì tất yếu sẽ có khe hở pháp luật và sẽ có doanh nghiệp lợi dụng nhằm mục đích trục lợi, gian lận, trốn thuế với những thủ đoạn, hình thức tinh vi mà cơ quan hải quan khó mà phát hiện, chỉ một số ít trường hợp có thông tin, nghi vấn, các cơ quan kiểm tra đột xuất mới phát hiện vi phạm, điều này gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo môi trường cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động kinh tế nói chung.

Đối với loại hình NSXXK, các hình thức gian lận thuế diễn ra dưới nhiều hình thức cụ thể như sau :

- Theo quy định, doanh nghiệp được xét hoàn thuế, không thu thuế khi sản phẩm sản xuất từ nguyên vật liệu nhập khẩu thực xuất khẩu; hồ sơ chứng minh doanh nghiệp đã thực xuất khẩu là tờ khai xuất khẩu được xác nhận thực xuất của cơ quan hải quan làm thủ tục xuất khẩu và chứng từ thanh toán cho lô hàng xuất khẩu; doanh nghiệp có thể làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm tại cơ quan hải quan thuận lợi nhất. Tuy nhiên lợi dụng sự thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi miễn kiểm tra hàng hóa, doanh nghiệp đã làm thủ tục nhập khẩu tại một đơn vị hải quan và thủ tục xuất khẩu sản phẩm tại đơn vị hải quan khác nhưng không thực xuất sản phẩm (xuất khống); lập hồ sơ thực xuất giả để được hoàn thuế.

- Định mức tiêu hao nguyên vật liệu sử dụng vào sản xuất sản phẩm xuất khẩu do doanh nghiệp xây dựng, giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tính chính xác, đúng đắn của định mức và đăng ký với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu. Tuy nhiên một số doanh nghiệp lập định mức khai báo với cơ quan hải quan cao hơn định mức thực tế tiêu hao, phần nguyên vật liệu dôi ra do sự chênh lệch giữa định mức khai báo với định mức thực tế được tiêu thụ ở thị trường nội địa nhằm trốn thuế nhập khẩu, thuế VAT.

- Đối với loại hình NSXXK, sản phẩm sản xuất từ nguyên vật liệu nhập khẩu đều phải xuất khẩu, phần nguyên vật liệu thừa, sản phẩm không xuất khẩu hoặc tiêu thụ nội địa doanh nghiệp phải khai báo với cơ quan hải quan và phải nộp thuế theo quy định hiện hành. Trên thực tế một số doanh nghiệp đưa sản phẩm tiêu thụ nội địa, chuyển đổi loại hình không khai báo gây khó khăn trong quản lý đối với cơ quan hải quan.

Một số tình huống điển hình về vi phạm của các doanh nghiệp :

- *Xuất không hàng hóa* : Công ty A chuyên nhập khẩu đường thô theo hình thức NSXXK để sản xuất đường tinh luyện xuất khẩu.

Công ty đã làm thủ tục nhập khẩu 5.500 tấn đường thô tại Chi cục Hải quan Biên Hòa - Cục Hải quan Đồng Nai, sau đó công ty lần lượt mở 14 tờ khai xuất khẩu và làm thủ tục xuất khẩu 925 tấn đường tinh luyện (tương đương 1036 tấn đường thô) tại Cục Hải quan An Giang. Trong thời hạn quy định, công ty tiến hành lập hồ sơ thanh khoản gửi đến Chi cục Hải quan Biên Hòa để được hoàn thuế cho lô hàng thuộc tờ khai nhập khẩu nêu trên, sau khi kiểm tra hồ sơ Chi cục Hải quan Biên Hòa đã ra quyết định hoàn thuế, không thu số tiền là : 1,08 tỷ đồng.

Tuy nhiên sau đó do có thông tin nghi vấn mặt hàng đường tinh luyện của công ty A có dấu hiệu quay lại Việt Nam, các cơ quan chuyên ngành đã

Công ty A đã mở tờ khai nhập tại một đơn vị Hải quan và mở tờ khai xuất khẩu tại một đơn vị hải quan khác, lập hồ sơ xuất khẩu không để làm thủ tục hoàn thuế cho lượng hàng hóa nhập khẩu nhằm mục đích gian lận thuế, Cục Hải quan Đồng Nai đã tiến hành xử phạt theo quy định và truy thu đủ số thuế cho Nhà nước.

- *Gian lận về định mức nguyên vật liệu sản xuất hàng xuất khẩu* : Công ty B là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phương thức kinh doanh chủ yếu là NSXXK.

Qua thời gian trình sát địa bàn, tháng 4/2006 Đội Kiểm soát Hải quan thuộc Cục Hải quan Đồng Nai phối hợp Đoàn Công an KCN Biên Hòa phát hiện và bắt giữ lô hàng 228 cây vải có nguồn gốc từ Công ty B. Qua kiểm tra tại công ty, hàng xuất bán thuộc hai tờ khai nhập khẩu năm 2005 loại hình NSXXK mở tại Chi cục Hải quan Long Bình - Cục Hải quan Đồng Nai; trên phiếu xuất kho thể hiện hàng xuất bán là nguyên phụ liệu tồn kho. Theo xác định của Chi cục Hải quan Long Bình, công ty chưa nộp thuế cho hai tờ khai nhập khẩu trên và đã đưa vào thanh lý không thu các tờ khai xuất khẩu, Chi cục Hải quan Long Bình đã ra Quyết định không thu với tổng tiền thuế là 902 triệu đồng.

Qua kiểm tra lại định mức và khai báo của công ty, 228 cây vải công ty xuất bán nội địa là nguyên liệu dôi dư do việc khai báo và đăng ký định mức nguyên phụ liệu hao hụt trong sản xuất với cơ quan hải quan tăng so với thực tế. Với hành vi tự ý sử dụng hàng hóa không đúng mục đích đã đăng ký với cơ quan Hải quan, cụ thể đăng ký tờ khai nhập khẩu vải các loại nhưng đã tiêu thụ trái phép trong nước thông qua việc khai tăng định mức nguyên phụ liệu, nếu không bị phát hiện sẽ gây thất thu thuế cho Ngân sách Nhà nước số tiền là : 719 triệu đồng (567 triệu thuế nhập khẩu và 220 triệu

- *Chuyển đổi mục đích sử dụng không khai báo* : Công ty C chuyên hoạt động nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu mặt hàng ảnh, album.

Qua thông tin được biết công ty bán sản phẩm do mình sản xuất vào thị trường nội địa. Cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra, phân tích hồ sơ, chứng từ liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu của công ty, kết quả được xác định: công ty bán một phần sản phẩm sản xuất từ nguyên vật liệu nhập khẩu theo loại hình NSXXK nhưng không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng với cơ quan hải quan. Cơ quan hải quan đã chứng minh trên các hóa đơn bán hàng và xác minh đối tác mua thực tế và một thực tế là công ty đã tiêu thụ một số lượng lớn sản phẩm vào nội địa, không kê khai nộp thuế nhập khẩu nguyên phụ liệu dẫn đến tình trạng công ty không có đủ sản phẩm xuất khẩu để thanh khoản cho các tờ khai nhập khẩu nguyên vật liệu, gây nên tình trạng nợ đọng thuế kéo dài. Công ty đã vi phạm quy định về quản lý hải quan đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, cơ quan hải quan xác định số thuế nhập khẩu tương ứng với số nguyên phụ liệu nhập khẩu công ty dùng sản xuất sản phẩm tiêu thụ nội địa là 3,813 tỷ đồng đồng thời tiến hành xử phạt và truy thu đủ tiền thuế nộp ngân sách Nhà nước.

2.3.2. Các hạn chế trong quản lý gian lận

Việc phát hiện các hành vi gian lận của doanh nghiệp chỉ là số ít do cơ quan hải quan có thông tin hoặc do các cơ quan quản lý khác phát hiện, thực tế mức độ, quy mô vi phạm của doanh nghiệp đến mức nào là điều không thể biết, tuy nhiên có thể nhận thấy việc ngăn ngừa và phát hiện vi

- Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý có liên quan

Hiện tại Cục Hải quan Đồng Nai đã có quy chế phối hợp giữa lực lượng Hải quan và lực lượng Công an; giữa Cục Hải quan Đồng Nai và Chi cục Quản lý thị trường Tỉnh trong công tác đấu tranh, phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa; gian lận thương mại trốn thuế, nợ thuế, nợ phạt chây ì và các hành vi vi phạm pháp luật khác xảy ra trong phạm vi địa bàn tỉnh Đồng Nai; các bên cùng phối hợp, trao đổi thông tin, cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến các vụ việc, đối tượng có nghi vấn hoạt động buôn lậu, gian lận; âm mưu, phương thức, thủ đoạn của các loại tội phạm trên các tuyến và địa bàn trọng điểm nhằm có kế hoạch biện pháp và phối hợp lực lượng đấu tranh, ngăn chặn.

Sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan công an, quản lý thị trường đã hỗ trợ rất nhiều trong công tác phòng chống, điều tra, phát hiện và xử lý hành vi gian lận thương mại trên địa bàn Tỉnh thời gian qua. Tuy nhiên thực tế hiện nay vẫn chưa có sự phối hợp giữa cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan khác như vận tải, bảo hiểm, ngân hàng... trong việc trao đổi các thông tin liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như số lượng hàng hóa đã thực sự xuất khẩu (qua thông tin của các hãng vận tải), số tiền đã thực tế thanh toán cho bên nước ngoài (qua thông tin của các ngân hàng) hay cước phí vận tải, bảo hiểm các doanh nghiệp đã chi trả cho lô hàng nhập khẩu (qua thông tin của các hãng bảo hiểm, vận tải) ...

Mặc dù Nghị định 154/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ có quy định việc trao đổi thông tin, trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng Bộ, Ngành trong cung cấp trao đổi, thông tin :

“- Bộ giao thông vận tải : chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, đại lý vận tải đường biển, đường hàng không có trách

- Ngân hàng và các tổ chức tín dụng : cung cấp thông tin về hoạt động thanh toán liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh”

Nhưng hiện nay ngoài Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BTC-NHNN giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước để thống nhất hướng dẫn trao đổi cung cấp thông tin giữa cơ quan thuế với ngân hàng và tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Vận tải vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể trong trao đổi, cung cấp thông tin; dẫn đến nguồn thông tin thu thập được của cơ quan Hải quan hạn chế và thiếu tính hệ thống, làm giảm hiệu quả trong công tác phòng chống gian lận thuế, gian lận thương mại.

Mặc khác thông tin thường chỉ được cung cấp khi cơ quan hải quan có yêu cầu cụ thể, hiếm có trường hợp ngân hàng, đơn vị vận tải cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan khi bản thân các cơ quan này có nghi vấn.

- Công tác KTSTQ chưa đủ mạnh

Với phương pháp quản lý hải quan hiện đại thì nghiệp vụ KTSTQ được coi là khâu nghiệp vụ tiếp theo trong quá trình thông quan hàng hóa. Theo Điều 32 Luật Hải quan sửa đổi bổ sung năm 2005 thì “*KTSTQ là hoạt động của cơ quan hải quan nhằm: thẩm định tính chính xác, trung thực nội dung các chứng từ mà chủ hàng, người được ủy quyền, hoặc tổ chức, cá nhân trực tiếp xuất khẩu, nhập khẩu đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan; thẩm định việc tuân thủ pháp luật trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*” [9, 72], do vậy hoạt động KTSTQ chính là biện pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hải quan, đảm bảo tính

+ Hệ thống văn bản về KTSTQ chưa đủ sức mạnh cần thiết, chưa quy định rõ hành vi vi phạm trong lĩnh vực KTSTQ; thiếu chuẩn mực ở các khâu hoạt động nghiệp vụ trong hoạt động KTSTQ để cơ quan hải quan và đối tượng chịu sự KTSTQ thực hiện;

+ Đối tượng chịu sự KTSTQ chưa nhận thức đầy đủ về lợi ích và nghĩa vụ của việc chấp hành các quyết định KTSTQ của cơ quan hải quan;

+ Chưa có sự gắn kết đầy đủ, đảm bảo tính tuân thủ giữa nghiệp vụ KTSTQ với các chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu;

+ Cơ cấu tổ chức của bộ phận KTSTQ tại đơn vị còn thiếu về số lượng (hiện tại biên chế của Chi cục KTSTQ là 10 người, chiếm khoảng 4% biên chế toàn đơn vị, tỷ lệ cán bộ công chức làm công tác KTSTQ trong toàn ngành khoảng 3%, so với tỷ lệ 10-25% của các nước trong khu vực thì đây là tỷ lệ rất thấp), năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ còn hạn chế do cán bộ KTSTQ thường chỉ được đào tạo chuyên sâu một lĩnh vực nhất định như tài chính kế toán, ngoại thương, luật ... trong khi công tác KTSTQ đòi hỏi kiến thức tổng hợp;

+ Hoạt động KTSTQ thường chỉ thực hiện khi doanh nghiệp đã có dấu hiệu vi phạm, cơ quan hải quan chưa có kế hoạch KTSTQ trước nhằm phòng ngừa hành vi vi phạm ví dụ như KTSTQ các nguyên vật liệu có thuế suất cao, định mức cao ...

- *Tính tuân thủ pháp luật của một số doanh nghiệp chưa cao, có hiện tượng doanh nghiệp lợi dụng sự thông thoáng của chính sách nhằm mục đích trốn thuế, gây thất thu cho ngân sách.*

Đặc trưng của nền kinh tế thị trường là tìm kiếm lợi nhuận tối đa, coi lợi nhuận là động lực kinh doanh, kích thích nền kinh tế phát triển. Đặc biệt trong điều kiện nền kinh tế toàn cầu hóa mạnh mẽ như hiện nay, thị trường mang tính quốc tế cao hơn cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Tuy nhiên nền kinh tế thị trường chứa đựng những mặt hạn chế vốn có của nó như tự phát, cạnh tranh khốc liệt... Bên cạnh những doanh nghiệp làm ăn chân chính, một số doanh nghiệp do chạy theo lợi nhuận nên chỉ tập trung vào khai thác các yếu tố có lợi cho mình và sử dụng bất cứ “phương tiện” nào có được, kể cả kinh doanh phạm pháp, gian lận thương mại, trốn thuế nhằm mục đích lợi nhuận, hưởng được lợi thế cạnh tranh do ít tốn phí. Điều này làm cho công tác quản lý thuế và chống thất thu thuế xuất nhập khẩu gặp phải không ít khó khăn, ảnh hưởng xấu đến môi trường kinh tế xã hội, làm cho những doanh nghiệp làm ăn chân chính sẽ khó tồn tại bên cạnh những doanh nghiệp gian dối .

2.4. Đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, công tác quản lý của hải quan đối với hoạt động NSXXK trên địa bàn Tỉnh được đánh giá như sau :

2.4.1. Điểm mạnh

- Đội ngũ cán bộ công chức Cục Hải quan Đồng Nai đa số đều đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng với những chuyên ngành phù hợp theo yêu cầu của ngành, biết sử dụng vi tính,...do vậy dễ dàng tiếp thu những kiến thức mới, kỹ năng nghiệp vụ mới, ứng dụng có hiệu quả những chương trình quản lý của ngành; không ngại khó khăn, thường xuyên có những cải tiến trong

- Là một trong những đơn vị hải quan địa phương được thành lập sau cùng, do vậy cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ cho công tác quản lý đã được TCHQ và Tỉnh trang bị tương đối đầy đủ và hiện đại, tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho cán bộ công chức và phục vụ tốt cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý.

- Cục Hải quan Đồng Nai thường xuyên tổ chức triển khai chính sách pháp luật của nhà nước, qui định, qui chế của ngành đến từng cán bộ công chức và doanh nghiệp trên địa bàn qua nhiều hình thức như: hội nghị, văn bản hướng dẫn và thông tin trên website. Cục Hải quan Đồng Nai đã xây dựng một trang web nội bộ dùng cho cán bộ công chức, một trang web để phục vụ doanh nghiệp và các cơ quan ban ngành liên quan. Trong năm 2006 Cục Hải quan Đồng Nai đã mở chuyên mục “tư vấn thủ tục hải quan qua mạng” trên website hải quan và chuyên mục “đồng hành cùng doanh nghiệp” trên báo Đồng Nai để trả lời những vướng mắc của doanh nghiệp về những qui định, chính sách của pháp luật liên quan đến thủ tục hải quan, đồng thời tiếp thu những ý kiến phản hồi từ phía doanh nghiệp. Sự nỗ lực này của cơ quan hải quan đã giúp cho doanh nghiệp trên địa bàn nắm bắt kịp thời chính sách pháp luật, những thay đổi về chính sách đặc biệt là chính sách thuế để doanh nghiệp có thể chủ động trong sản xuất, không ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng và tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh Đồng Nai nói chung.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác theo dõi nợ thuế và thanh lý thuế, Cục Hải quan Đồng Nai đã giải quyết các hồ sơ thanh lý thuế đúng thời gian qui định của pháp luật, nhắc nhở và xử lý kịp thời các trường hợp nộp thuế chuyên thu và hồ sơ thanh lý thuế tạm thu không đúng hạn qui định, không để nợ thuế kéo dài.

- TCHQ đang triển khai Dự án hiện đại hóa hải quan giai đoạn 2006-2010 với một số mục tiêu cụ thể đến năm 2010 :

+ Về khuôn khổ pháp lý : xây dựng hệ thống pháp luật hải quan ngày càng hoàn thiện đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, tập quán, cam kết quốc tế có liên quan đến hoạt động hải quan; ban hành đồng bộ hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách thuế.

+ Về thủ tục hải quan : Quy trình thủ tục hải quan được đơn giản, hài hòa và thống nhất theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, quản lý rủi ro được áp dụng một cách có hệ thống và phổ biến trong toàn bộ quy trình, ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại các địa bàn trọng điểm (cảng biển quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế ...)

+ Về tổ chức bộ máy và cán bộ : tổ chức bộ máy của toàn ngành được chuẩn hóa, cán bộ lãnh đạo được đào tạo sâu về kỹ năng quản lý và điều hành; cán bộ nghiệp vụ thừa hành được đào tạo có kỹ năng sâu về lĩnh vực nghiệp vụ được phân công.

+ Về công nghệ thông tin : xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT và đầu tư ứng dụng hệ thống xử lý tích hợp hiện đại với cơ sở dữ liệu tập trung trên nền tảng hoàn thiện hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử với các cơ quan quản lý có liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu, người và phương tiện xuất nhập cảnh để hỗ trợ các quy trình thủ tục hải quan đã được hoàn thiện lại và đạt mục tiêu tự động hóa hải quan, hải quan điện tử.

Qua hơn 02 năm triển khai, dự án đã thực hiện được một phần về công tác cải cách pháp lý, nâng cao trình độ cán bộ, trang bị cơ sở vật chất ... và trong thời gian tới, khi dự án hoàn thành việc quản lý hải quan sẽ mang tính hiện đại, hiệu quả đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

2.4.2. Điểm yếu

Chính sách ưu đãi thuế đối với loại hình NSXXK đã góp phần hỗ trợ doanh nghiệp về mặt tài chính nhằm khuyến khích xuất khẩu, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên bên cạnh đó chính sách ân hạn thuế đã dẫn đến nợ thuế kéo dài, buộc cơ quan hải quan phải theo dõi nợ thuế từ khi nguyên vật liệu nhập khẩu đến khi sản phẩm thực xuất khẩu. Trong khoảng thời gian này, cơ quan hải quan phải tổ chức đôn đốc thu thuế, thanh khoản thuế đúng thời hạn, tổ chức kiểm tra định mức, kiểm tra hồ sơ thanh khoản thuế, quyết toán thuế ... Với hoạt động NSXXK trên địa bàn Tỉnh chiếm tỷ trọng cao, do vậy cơ quan hải quan phải dành phần lớn nguồn lực để quản lý hoạt động này trong khi không thu được thuế cho ngân sách.

2.4.3. Cơ hội

Đẩy mạnh hoạt động NSXXK đã góp phần khai thác lợi thế về nguồn nhân lực, khai thác nguồn nguyên liệu sẵn có; tranh thủ được vốn, khoa học công nghệ nước ngoài; đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa đất nước và chiến lược hướng về xuất khẩu; tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế trên địa bàn Tỉnh.

2.4.4. Thách thức

Cùng với việc phát triển hoạt động NSXXK, đồng nghĩa với khối lượng công việc phải giải quyết ngày càng tăng đòi hỏi cơ quan hải quan phải nâng cao năng lực quản lý, nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ công chức. Bên cạnh đó kinh tế phát triển sẽ dẫn đến việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thêm gay gắt, các hình thức gian lận thuế sẽ tinh vi và phức tạp hơn, buộc cơ quan hải quan phải tăng cường các biện pháp hậu kiểm, tăng cường phối hợp với các ban ngành liên quan để việc quản lý đạt hiệu quả.

Kết luận chương II

Do nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu được nợ thuế trong thời hạn 275 ngày, vì vậy việc quản lý nhà nước về hải quan đối

CHƯƠNG III :

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NHẬP SẢN XUẤT XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

3.1. Dự báo về hoạt động NSXXK trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Chiến lược Phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (gồm 08 tỉnh trong đó có tỉnh Đồng Nai) đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 theo Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29/8/2005 của Bộ Chính trị đã đặt ra mục tiêu kinh tế : GDP của Vùng năm 2010 đạt thấp nhất gấp 2,5 lần so với năm 2000 và năm 2020 gấp từ 2,3 lần đến 2,5 lần so với năm 2010; Giá trị xuất khẩu tăng gấp hơn 2 lần mức tăng GDP; Mức thu ngân sách tăng từ 16-18%; Có biện pháp đồng bộ để xây dựng được cơ cấu kinh tế hiện đại, thu hút đầu tư trong 5 năm 2006 - 2010 gấp đôi giai đoạn 2001 - 2005.

Trên cơ sở này kết hợp tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 – 2005; tình hình kinh tế chính trị, khoa học kỹ thuật trong và ngoài nước; ... Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã đề ra mục tiêu kinh tế của Tỉnh đến năm 2010 : *Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn tăng từ 20-22%; trong đó kim ngạch xuất khẩu địa phương tăng từ 15-16%; GDP 5 năm 2006-2010 tăng bình quân năm từ 14%-15%; Giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 16-16,5%, giá trị sản xuất tăng từ 18% - 19%; GDP bình quân đầu người năm 2010 (theo giá so sánh năm 1994) đạt 1.400 - 1.450 USD (tỷ giá 1USD=11.045 đồng); Cơ cấu kinh tế năm 2010: ngành công nghiệp – xây dựng chiếm 57%; ngành dịch vụ chiếm 34%; ngành nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 9% [15, 128].*

Theo đó định hướng và giải pháp phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn Tỉnh đến năm 2010 là :

- Đẩy mạnh việc chuyển từ hình thức gia công sang sản xuất, xuất khẩu trực tiếp nhằm gia tăng giá trị, nâng cao khả năng cạnh tranh ngành hàng;

- Duy trì tốc độ phát triển của ngành công nghiệp, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất công nghiệp đi đôi giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm để tăng sức cạnh tranh, đứng vững và phát triển trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển các ngành công nghiệp chế biến, nhất là chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu;

- Xác định ngành công nghiệp mũi nhọn về xuất khẩu đến năm 2010: công nghiệp dệt, may và giày dép;

- Tiếp tục tạo môi trường bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng có tính cạnh tranh trong khu vực; tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế tham gia có hiệu quả vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; chú trọng các giải pháp huy động nguồn vốn FDI, ODA và thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, chủ động chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước....

Với phương hướng và giải pháp nêu trên; song song đó xu hướng chuyển biến tích cực trong hoạt động đầu tư nước ngoài, hoạt động xuất nhập khẩu trên phạm vi cả nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng khi tiến trình hội nhập kinh tế thế giới và khu vực diễn ra mạnh mẽ; với tốc độ gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn trong những năm gần đây, chỉ tiêu *tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn Tỉnh tăng với tốc độ bình quân từ 20-22%* dự kiến sẽ đạt được, và do vậy dự kiến đến năm 2010 kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sẽ đạt từ 7 tỷ - 10 tỷ USD và khoảng 27-30 tỷ USD cả thời kỳ 2006-2010, giá trị kim ngạch nhập khẩu tăng từ 4 tỷ USD năm 2006 lên đến khoảng 8 tỷ USD vào năm 2010.

Mặt khác theo số liệu thống kê, giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu của hoạt động NSXXK từ lúc hình thành cho đến nay luôn chiếm tỷ lệ trên 50% so với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn, do vậy tốc độ phát triển tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa sẽ làm cho kim ngạch xuất nhập khẩu của riêng hoạt động NSXXK tăng theo tương ứng, tức là từ 20-22% mỗi năm. Với quy hoạch như vậy, đến năm 2010 kim ngạch xuất nhập khẩu của hoạt động NSXXK sẽ tăng gần gấp đôi so với năm 2006. Và do đó cũng đòi hỏi cơ quan hải quan, Ngành hải quan cần có những giải pháp cụ thể quản lý hiệu quả đối với hoạt động này trong thời gian tới.

3.2. Quan điểm hoàn thiện quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X đã định hướng “Đẩy mạnh xuất khẩu, chủ động về nhập khẩu, kiểm chế và thu hẹp dần nhập siêu. Tăng nhanh tỷ trọng xuất khẩu các sản phẩm chế biến có giá trị tăng thêm cao, giàu hàm lượng công nghệ, có sức cạnh tranh, tạo thêm các sản phẩm xuất khẩu chủ lực mới, ...Củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo thị trường ổn định cho các mặt hàng có khả năng cạnh tranh; tăng thêm thị phần ở các thị trường lớn và khai mở các thị trường còn nhiều tiềm năng. Phấn đấu đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm tới lên hơn hai lần 5 năm trước” [3, 205], “Tạo môi trường pháp lý và cơ chế, chính sách thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển, các chủ thể hoạt động kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, có trật tự, kỷ cương” [3, 78].

Tháng 11/2006 Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO, trong số những nội dung cam kết với WTO mà Việt Nam phải thực hiện trong lĩnh vực Hải quan có những nội dung sau :

- Đơn giản hóa thủ tục hải quan để tạo thuận lợi cho thương mại;
- Tăng cường chống buôn lậu, gian lận thương mại;

- Nâng cao năng lực cán bộ, trình độ quản lý;
- Hiện đại hóa quản lý hải quan;

Quán triệt nội dung tư tưởng chỉ đạo của Đảng và đảm bảo việc thực hiện cam kết của Ngành hải quan khi gia nhập WTO, quan điểm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK ở Đồng Nai là :

- Đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế với sự gia tăng mạnh mẽ của lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, theo đó cơ quan hải quan sẽ chuyển dần sang theo hướng kết hợp hài hòa chức năng quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp dựa trên quản lý rủi ro đồng thời đảm bảo quản lý chặt chẽ với việc áp dụng một cách hiệu quả và đầy đủ những yêu cầu của KTSTQ.

- Cơ quan hải quan phải chủ động ngăn chặn, hạn chế thấp nhất vi phạm pháp luật hải quan; chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác chống gian lận thuế, gian lận thương mại, góp phần thiết lập trật tự, kỷ cương pháp luật trong hoạt động xuất nhập khẩu, tạo sự công bằng, bình đẳng cho các chủ thể tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu.

3.3. Các giải pháp góp phần hoàn thiện quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK tại Cục Hải quan Đồng Nai trong bối cảnh hội nhập.

Nhằm góp phần hoàn thiện quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXK tại Cục Hải quan Đồng Nai nói riêng và Ngành hải quan nói chung, luận văn đưa ra một số kiến nghị và giải pháp như sau:

3.3.1. Kiến nghị Bộ Tài chính hoàn thiện các văn bản, quy trình nghiệp vụ liên quan

Để quy định rõ thời hạn được xét hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu sản xuất hàng xuất khẩu, Bộ Tài chính cần bổ sung hướng

Như vậy để khuyến khích kêu gọi đầu tư nước ngoài, khuyến khích xuất khẩu, ở Việt Nam có thể cho phép thời hạn xét hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu tối đa là 02 năm kể từ ngày nguyên vật liệu nhập khẩu. Tại điểm 5, điểm 6 chương 3 nói về vấn đề hoàn thuế của Công ước Kyoto bản sửa đổi và bổ sung ban hành tháng 6/1999 đã nói rõ vượt quá thời gian ấn định thì việc xin hoàn thuế sẽ không được chấp nhận.

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp Bộ Giao thông Vận tải ban hành văn bản hướng dẫn trong trao đổi, cung cấp thông tin làm cơ sở để cơ quan hải quan có thể nhận được thông tin liên quan đến hàng hóa khi cần thiết.

Tổ chức triển khai thực hiện trao đổi dữ liệu trong toàn ngành Tài chính giữa các cơ quan thành viên như Tổng cục thuế, TCHQ, Kho bạc Nhà nước, làm nền tảng cho các Bộ ngành khác kết nối vào hệ thống. Trước mắt, triển khai ngay việc nối mạng giữa kho bạc, ngân hàng và cơ quan hải quan để quản

3.3.2. Kiến nghị Tổng cục Hải quan

Để hỗ trợ hải quan địa phương thực hiện tốt việc quản lý đối với hoạt động NSXXXK tại đơn vị, TCHQ cần thực hiện một số công việc sau :

Thứ nhất, để hỗ trợ hải quan địa phương quản lý hiệu quả định mức nguyên vật liệu, là một trong những biện pháp quan trọng nhằm quản lý hiệu quả hoạt động NSXXXK, TCHQ cần có một trung tâm thực nghiệm (có thể là một bộ phận của Trung tâm phân tích phân loại tại Miền Bắc và Miền Nam) chuyên về kiểm tra tính chính xác, hợp lý trong việc xây dựng định mức sản xuất hàng hóa của các doanh nghiệp trên toàn quốc, có so sánh đối chiếu định mức sản phẩm cùng loại của các doanh nghiệp khác nhau, để kịp thời phát hiện, kiểm tra các định mức được xây dựng cao hơn thực tế sản xuất.

Thứ hai, để giải quyết tình trạng tồn đọng nợ thuế một cách hiệu quả, thống nhất trong phạm vi toàn ngành, TCHQ cần có quy trình quản lý nợ thuế chặt chẽ, trong đó đối với nợ thuế tạm thu quá hạn thì biện pháp xử lý cụ thể như sau:

- *Trường hợp doanh nghiệp không đến thanh khoản* : cơ quan hải quan có thông báo mời doanh nghiệp đến làm thủ tục thanh khoản. Trường hợp doanh nghiệp không đến thanh khoản :

+ Đối với các khoản nợ thuế quá hạn nhưng chưa đến hạn áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ thuế theo Luật quản lý thuế : chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi đến hạn áp dụng các biện pháp cưỡng chế, cơ quan hải quan tiếp tục thông báo mời doanh nghiệp đến thanh khoản nợ thuế.

+ Đối với các khoản nợ đến thời hạn phải cưỡng chế, cơ quan hải quan tiến hành các thủ tục cưỡng chế nợ thuế được quy định trong Luật quản lý thuế.

- *Trường hợp doanh nghiệp mất tích, không tìm thấy địa chỉ* : cơ quan hải quan phối hợp với cơ quan công an địa phương, cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh, cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cho doanh nghiệp, ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ... để tìm kiếm địa chỉ doanh nghiệp.

+ Trường hợp chưa tìm được địa chỉ thì thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, đưa ra thời hạn yêu cầu doanh nghiệp phải đến thanh khoản nợ thuế.

+ Nếu sau khi làm đầy đủ các thủ tục xác minh mà vẫn không tìm thấy địa chỉ doanh nghiệp và doanh nghiệp không đến thanh khoản nợ thuế thì chuyển hồ sơ sang cơ quan công an đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- *Đối với doanh nghiệp giải thể, phá sản* :

Cơ quan hải quan liên hệ với Ban thanh lý giải thể doanh nghiệp tại địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động để xác định khả năng trả nợ thuế của doanh nghiệp đồng thời thu hồi nợ.

Thứ ba, việc ứng dụng CNTT vào quản lý thanh khoản nguyên vật liệu, thanh khoản thuế mang lại hiệu quả thiết thực, có tác động rất lớn đến quan hệ giao dịch giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp, hơn nữa trong điều kiện đã được vi tính hóa, mọi công việc đều được thực hiện theo một cách thức nhất định và như vậy các quy định của nhà nước về hải quan đối với hoạt động này đều được thực hiện thống nhất, đảm bảo sự đối xử công bằng giữa các doanh nghiệp. Do vậy để hoàn chỉnh chương trình quản lý thanh khoản, TCHQ cần nâng cấp đường truyền để tiến tới cài đặt dữ liệu quản lý tập trung tại cấp TCHQ, giúp quản lý được chặt chẽ thống nhất trong phạm vi cả nước và các Cục hải quan địa phương có thể khai thác dữ liệu chung khi cần thiết.

Thứ tư, theo quan điểm của Tổ chức Hải quan thế giới (World

- Ban hành văn bản quy định chi tiết về KTSTQ, hoàn chỉnh lại quy trình KTSTQ cho phù hợp với quy định của Luật Quản lý thuế. Ngoài hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hoàn chỉnh, cần phải xây dựng những tài liệu hướng dẫn kỹ thuật (cẩm nang) kiểm tra về các hình thức gian lận trong đó có gian lận các chính sách ưu đãi về thuế, gian lận định mức, về kiểm toán doanh nghiệp...;

- Xây dựng hệ thống chuẩn mực KTSTQ làm cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật và doanh nghiệp kiểm tra giám sát hoạt động của cơ quan hải quan, các công chức hải quan nhằm đảm bảo chất lượng và độ tin cậy đối với kết quả KTSTQ; hệ thống chuẩn mực KTSTQ là cơ sở pháp lý quan trọng trong hoạt động KTSTQ tạo thước đo chất lượng của hoạt động KTSTQ.

- Nâng cao năng lực đội ngũ KTSTQ tại từng hải quan địa phương, lực lượng KTSTQ với chức năng là thẩm định tính chính xác của các chứng từ và bộ hồ sơ hải quan, đòi hỏi cán bộ phải có trình độ vừa chuyên sâu, vừa tổng hợp và phải có kinh nghiệm thực tế. Muốn vậy phải tăng cường cán bộ công chức có trình độ cao về nghiệp vụ kế toán doanh nghiệp, nghiệp vụ kiểm toán, thanh toán quốc tế ... bằng cách tuyển chọn, đưa đi đào tạo hoặc tuyển dụng mới. Bên cạnh đó cần phải nâng cao năng lực thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin của công chức KTSTQ, làm cho việc thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin trở thành hoạt động thường xuyên của đơn vị, thói quen hàng ngày của mọi công chức; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin tích lũy được trong từng công chức ngày càng tăng.

Đồng thời phải có chế độ đãi ngộ thích đáng cho lực lượng làm công tác này nhằm động viên, khuyến khích cán bộ chủ động trong công việc. Ví dụ có thể thực hiện thí điểm việc trích thưởng theo vụ việc nhằm khuyến khích động viên cán bộ công chức làm việc có hiệu quả và ngăn chặn các hành vi tiêu cực. Mức thưởng phải thật minh bạch, cụ thể và thực sự có ý nghĩa đối với việc làm của cán bộ công chức, không mang tính hình thức. Mức thưởng có thể được tính theo tỷ lệ % trị giá chênh lệch tiền thuế thu hồi cho nhà nước.

- TCHQ cần đầu tư trang thiết bị, máy móc, đường truyền và các công cụ hỗ trợ khác (sao chụp, lưu trữ tài liệu; hệ thống quản lý doanh nghiệp; bảo quản hồ sơ, khai thác thông tin v.v...) đồng bộ, hiện đại, phục vụ cho công tác chuyên môn tại các cơ quan hải quan.

Thứ năm, hoàn thiện hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan. Trong quản lý, thông tin đóng vai trò rất quan trọng. Thông tin giúp cho nhà quản lý ra quyết định một cách dễ dàng và nhanh chóng. Nếu nguồn thông tin cung cấp càng chính xác, kịp thời thì quyết định sẽ chính xác, kịp thời, mọi việc sẽ đạt kết quả tốt. Ngược lại, nếu thông tin cung cấp không chính xác, chậm thì quyết định sẽ không chính xác, không kịp thời, công việc sẽ bị thất bại.

Khi triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan, TCHQ đã xây dựng một hệ thống tiêu chí quản lý rủi ro riêng để làm căn cứ quyết định phân luồng và quyết định tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa. Thông tin chủ yếu của hệ thống này là thông tin về doanh nghiệp, hàng hóa. Tuy nhiên, hệ thống này chỉ phục vụ cho việc phân luồng tờ khai và cũng còn những hạn chế nhất định cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế công việc.

Hiện tại, các thông tin thu thập được nằm trên nhiều hệ thống, không đầy đủ và trùng lặp, rất khó khăn cho việc cập nhật, khai thác, xử lý và sử dụng, do đó cần có giải pháp để khắc phục tình trạng này. Hệ thống thông tin

ng nghiệp vụ hải quan cần tập trung, thống nhất, hỗ trợ cho tất cả các khâu nghiệp vụ hải quan và phối hợp với hải quan các nước trong đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, làm cơ sở ra quyết định cho các cấp lãnh đạo cũng như công chức thừa hành đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý của ngành hải quan.

Vì vậy TCHQ cần hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thông tin quản lý rủi ro hiện tại thành hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan làm cơ sở để xem xét ra quyết định thông quan, quản lý rủi ro và thực hiện phòng chống buôn lậu, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới và các hành vi khác vi phạm pháp luật hải quan. Hệ thống này phải được thu thập, xử lý, lưu trữ tập trung tại TCHQ để quản lý, vận hành và phân cấp cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm cập nhật, khai thác, sử dụng phục vụ quản lý nhà nước về hải quan.

Hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan được thiết lập và tích hợp với toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành hải quan nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý chung của ngành. Hệ thống này bao gồm:

+ *Thông tin về doanh nghiệp* : Pháp nhân (tên, mã số, địa chỉ, tài khoản, số hiệu tài khoản, cơ cấu tổ chức, thành phần, các chi nhánh...), quá trình hoạt động, việc chấp hành pháp luật hải quan (số lần lập biên bản chứng nhận, biên bản vi phạm, mức độ xử lý, nộp thuế, tình trạng nợ thuế, cưỡng chế), việc chấp hành thuế nội địa, khách hàng, thị trường, loại hình kinh doanh xuất nhập khẩu, mặt hàng kinh doanh, kim ngạch xuất nhập khẩu, số lượng tờ khai, tình hình tài chính doanh nghiệp v.v...

+ *Thông tin về hàng hóa xuất nhập khẩu*: mặt hàng, thuế suất, mã số, số lượng, ...

+ *Thông tin về phương tiện xuất nhập cảnh*: loại phương tiện (máy bay, tàu thủy, xà lan, xe ô tô v.v...), hành trình, thời gian, cửa khẩu xuất nhập (sân bay, cảng, biên giới, bưu điện).

+ *Thông tin về các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh*.

+ *Thông tin nghiệp vụ kiểm soát hải quan.*

+ *Các loại thông tin nghiệp vụ khác.*

Để hệ thống có thể phát huy hiệu quả, cần có sự phối hợp tốt giữa các đơn vị từ TCHQ, các Cục hải quan địa phương và từng cán bộ công chức trong việc cập nhật, khai thác, sử dụng. Phải có quy định chặt chẽ trách nhiệm của từng cấp, từng đơn vị và phải kiểm tra thường xuyên. Việc thực hiện tốt giải pháp sẽ góp phần tiết kiệm chi phí cho việc thu thập thông tin phân tán, trùng lặp, không khoa học; tạo điều kiện cho việc ra quyết định kiểm tra, kiểm soát nhanh chóng, kịp thời; nâng cao được hiệu quả quản lý của ngành Hải quan.

3.3.3. Kiến nghị đối với Cục Hải quan Đồng Nai

Thứ nhất, để quản lý hiệu quả định mức nguyên vật liệu Cục Hải quan Đồng Nai cần :

- Sử dụng phương pháp chuyên gia và cộng tác với các tổ chức chuyên môn (ví dụ mặt hàng dệt may thì trung cầu giám định Viện Kinh tế kỹ thuật dệt may) nhằm hỗ trợ hải quan kiểm tra, xác định sự bất hợp lý đối với định mức sản phẩm có quy trình sản xuất và cấu tạo phức tạp khi có nghi vấn.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về hình ảnh, mẫu của các nguyên vật liệu có thuế suất thuế nhập khẩu cao, của các doanh nghiệp trọng điểm; tổ chức lưu giữ các thông tin về quy trình sản xuất, về công thức cấu tạo, về thành phần cấu tạo, về các định mức của sản phẩm xuất khẩu.

- Bất kỳ hình thức nào, kể cả việc khai báo định mức cao hơn thực tế nhằm gian lận thuế đều phải đặt trên cơ sở doanh nghiệp tiêu thụ được nguyên vật liệu hàng hóa đó, vì vậy cần có sự phối hợp với cơ quan thuế nội địa trong việc kiểm tra theo dõi các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc chế độ hạch toán kế toán do Nhà nước quy định, tiến tới nối mạng quản lý bằng vi tính về chứng từ hóa đơn mua bán của các doanh nghiệp giữa hải quan

Thứ hai, tiếp tục hoàn chỉnh việc ứng dụng CNTT trong công tác thanh khoản, cụ thể Cục Hải quan Đồng Nai cần phối hợp Cục CNTT - TCHQ hoàn chỉnh một số hạn chế về nghiệp vụ của hệ thống quản lý loại hình NSXXK như đã nêu tại tiểu mục 2.2.2.2 nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng chương trình. Để làm được công việc này, chương trình phải bổ sung chức năng cho phép khai báo những nguồn nguyên vật liệu khác nguyên vật liệu nhập khẩu theo loại hình NSXXK khi doanh nghiệp đăng ký tờ khai. Đồng thời khi đăng ký tờ khai xuất khẩu, chương trình phải cân đối về mặt lượng để xác định ngay tại thời điểm xuất khẩu doanh nghiệp đã có đủ nguyên vật liệu để cấu thành nên sản phẩm xuất khẩu đó hay không? Nếu không đủ nguyên vật liệu thì thông báo cụ thể thiếu những nguyên vật liệu nào? Số lượng là bao nhiêu?

- Tổ chức tốt việc tiếp nhận thông tin khai báo trước từ phía doanh nghiệp thông qua hệ thống tiếp nhận khai điện tử để giải quyết vấn đề nhập dữ liệu đầu vào cho hệ thống.

- Xây dựng quy chế sử dụng hệ thống thông tin quản lý loại hình NSXXK, trong đó quy định rõ công việc cũng như trách nhiệm đến từng cán bộ, công chức hải quan khi tham gia vận hành hệ thống CNTT nhằm tạo cho công chức thừa hành ý thức được công việc mà mình được giao và khi vận hành hệ thống tránh dẫn đến lỗi, sai sót...

Thứ ba, KTSTQ là khâu nghiệp vụ quan trọng nhằm phòng ngừa, phát hiện gian lận, chính vì vậy nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ này, cán bộ của Chi cục KTSTQ trước tiên cần được lựa chọn từ những người có nghiệp vụ giỏi và đã được đào tạo về nghiệp vụ kiểm toán sau đó mới đào tạo, tập huấn bổ sung những kỹ năng nghiệp vụ liên quan.

Bên cạnh đó Cục Hải quan Đồng Nai cũng cần có kế hoạch KTSTQ cụ thể, trên cơ sở thông tin thu thập từ các nguồn, kế hoạch này có thể được lập theo 3 tiêu chí là kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất và kiểm tra theo chuyên đề. Kiểm tra định kỳ được lập cho các doanh nghiệp thuộc diện “không tin cậy”, kiểm tra đột xuất và kiểm tra theo chuyên đề được thực hiện đối với những trường hợp có độ rủi ro cao và cần kiểm tra ngay (thuế suất cao, định mức cao ...).

3.3.4. Kiến nghị khác nhằm phát huy tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp

Từ khi Luật Hải quan ban hành và có hiệu lực, việc quản lý nhà nước về hải quan dựa trên tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp là chính, cơ quan hải quan tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Nếu số đông doanh nghiệp luôn tìm cách trốn tránh nghĩa vụ thực thi pháp luật hoặc cơ quan hải quan thiếu tin tưởng vào sự chấp hành của doanh nghiệp thì cả hai trường hợp trên đều ảnh hưởng xấu đến hiệu quả quản lý của cơ quan hải quan và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Để giúp cơ quan hải quan thực hiện tốt nhiệm vụ của mình đồng thời cũng giúp các doanh nghiệp được kinh doanh trong môi trường cạnh tranh bình đẳng thì bản thân các doanh nghiệp phải hình thành nên ý thức chấp hành các quy định của pháp luật. Mặc dù phần lớn các doanh nghiệp đều tuân thủ pháp luật nhưng cũng cần phải có sự tác động của các biện pháp chế tài hành chính nhằm động viên, điều chỉnh một bộ phận thiểu số các doanh nghiệp chưa thực hiện tốt điều này. Do vậy để phát huy tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, ngành Hải quan cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Cùng doanh nghiệp đàm phán, xây dựng, ký kết các tiêu chí thỏa thuận hợp tác. Hệ thống tiêu chí chủ yếu bao gồm nguyên tắc hợp tác, cách

thức hợp tác, các yêu cầu với doanh nghiệp (chủ yếu là minh bạch hóa với cơ quan hải quan về hoạt động xuất nhập khẩu, cung cấp định kỳ cho cơ quan các số liệu về xuất nhập khẩu, về thuế), các thuận lợi doanh nghiệp được hưởng (thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan ...).

- Có các hình thức khen thưởng đồng viên kịp thời cho các doanh nghiệp có truyền thống chấp hành tốt các quy định của pháp luật; ví dụ như vừa qua Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thực hiện việc xét tặng Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc”, “Doanh nhân xuất sắc” đối với những doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn Tỉnh dựa trên các tiêu chí : hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và việc chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Bên cạnh đó, để góp phần hỗ trợ doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật, Cục Hải quan Đồng Nai cần phải :

- Tiếp tục duy trì chuyên mục “Tư vấn thủ tục hải quan qua mạng” trên website của đơn vị và chuyên mục “Đồng hành cùng doanh nghiệp” trên báo Đồng Nai để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc của doanh nghiệp.

- Quan tâm lắng nghe và giải quyết nhanh chóng, hợp lý những thắc mắc, kiến nghị của doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc cùng hợp tác giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan;

- Thường xuyên tổ chức các chuyên đề (có thể kết hợp trong các hội nghị khách hàng được tổ chức định kỳ) nhằm giúp doanh nghiệp hiểu và chấp hành tốt chính sách, pháp luật của nhà nước về hải quan, nội dung chuyên đề cần quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề mới phát sinh và các sai sót vướng mắc thường gặp phải trong thực tiễn.

Kết luận chương III

Từ việc phân tích tình hình thực tế, chỉ ra những hạn chế, tồn tại trong việc quản lý hoạt động NSXXK, trên quan điểm quán triệt tinh thần chỉ đạo chung của Đảng và Nhà nước đồng thời đảm bảo thực hiện các cam kết của Ngành Hải quan khi Việt Nam gia nhập WTO, tác giả đưa ra những kiến nghị thực hiện các giải pháp nhằm quản lý hiệu quả định mức nguyên phụ liệu, giải quyết tình trạng nợ đọng thuế, nâng cao công tác KTSTQ,... tất cả đều hướng đến mục tiêu quản lý hiệu quả hoạt động NSXXK nói riêng và hoạt động xuất nhập khẩu nói chung sao cho vừa đảm bảo tính bình đẳng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp vừa đảm bảo các quy định của pháp luật được tuân thủ. Những kiến nghị đối với Bộ Tài chính và TCHQ cũng chính là các giải pháp chung nhằm quản lý hiệu quả hoạt động NSXXK trong toàn ngành Hải quan.

KẾT LUẬN

Nhờ vào chính sách mở cửa, hội nhập của Đảng và Nhà nước, hoạt động xuất nhập khẩu nói chung và hoạt động NSXXXK nói riêng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ngày càng phát triển nhanh chóng và đa dạng, đem lại hiệu quả về nhiều mặt cho Tỉnh nhà. Chính những lợi ích của phương thức nhập sản xuất xuất khẩu cùng với những lợi thế sẵn có của tỉnh Đồng Nai đã góp phần thúc đẩy ngày càng nhiều các nhà đầu tư trong nước tham gia trực tiếp vào lĩnh vực nhập sản xuất xuất khẩu, tạo nguồn hàng xuất khẩu có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, góp phần cải thiện cán cân ngoại thương và thanh toán quốc tế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên trong thời gian tới ngoài lợi thế riêng có, Tỉnh cũng cần phải có những chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể nhằm khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, nhằm giảm dần tỷ lệ nguyên vật liệu nhập khẩu, nâng cao giá trị gia tăng của hàng sản xuất xuất khẩu.

Thông qua việc phân tích, đánh giá thực trạng tình hình quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động nhập sản xuất xuất khẩu trên địa bàn Tỉnh, Luận văn đã nêu một số tồn tại, vướng mắc và đề ra một số giải pháp chủ yếu nhằm phát huy và nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý về hải quan đối với hoạt động này. Nhưng các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động NSXXXK nói riêng và hoạt động xuất nhập khẩu nói chung chỉ có thể đạt được hiệu quả thiết thực khi có sự quyết tâm thực hiện của ngành Hải quan, của từng Hải quan địa phương, của các cơ quan quản lý liên quan và của chính cộng đồng doanh nghiệp.

Do điều kiện nghiên cứu còn hạn chế về nguồn tài liệu cũng như thời gian nghiên cứu, về phía tác giả khả năng, kinh nghiệm và tư duy khoa học còn nhiều hạn chế, do đó kết quả nghiên cứu không thể tránh khỏi những

khiếm khuyết nhất định cần được tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện. Tác giả luận văn mong nhận được sự quan tâm góp ý của các nhà khoa học cùng bạn bè, đồng nghiệp để tác giả tiếp tục sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện luận văn của mình./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

* SÁCH, TÀI LIỆU

1. Cục Thống kê Đồng Nai (2006), *Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai 2006*, Xí nghiệp In Thống kê TP.HCM.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đặng Hạnh Thu (2000), *Hoàn thiện quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động gia công xuất khẩu và nhập sản xuất xuất khẩu ở tỉnh Đồng Nai*, luận văn thạc sĩ kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
5. Đỗ Ngọc Dung (2006), *Tăng cường KTSTQ trong quá trình cải cách và hiện đại hóa ngành hải quan Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, trường Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
6. *Giáo trình quản lý nhà nước tập II*, Học viện Chính trị quốc gia (1999).
7. *Hệ thống các văn bản pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế GTGT và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan (2006)*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
8. *Luật Hải quan một số nước(2003)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. *Luật Hải quan đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

10. *Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn (2007)*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
11. Phạm Ngọc Hữu (2003), *Nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan*, Xí nghiệp in Nam Hải - Tổng cục Hải quan.
12. Phan Thị Thuận, *Luật hải quan sửa đổi : tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động kinh tế quốc tế*, Bản tin Nghiên cứu Hải quan số 06/2005.
13. Trần Hoàng Trọng Kỳ và nhóm cộng tác(2006), *Biện pháp quản lý hàng hóa ra vào doanh nghiệp chế xuất và khu chế xuất*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Tổng cục Hải quan.
14. TS.Đoàn Ngọc Xuân, *Suy nghĩ ban đầu về xây dựng hệ thống chuẩn mực Kiểm tra sau thông quan*, Bản tin Nghiên cứu Hải quan số 05/2007;
15. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2005), *Đồng Nai 30 năm xây dựng và phát triển*, Xí nghiệp In Thống kê TP.HCM.
16. *Văn bản pháp luật về gia công hàng xuất khẩu (1997)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

* INTERNET

Website Bộ Tài chính : <http://www.mof.gov.vn>

Website Bộ Thương mại : <http://www.mot.gov.vn>

Website Cục Hải quan Đồng Nai : <http://www.dncustoms.gov.vn>

Website Đảng Cộng sản Việt Nam : <http://www.dangcongsan.vn>

Phụ lục 01 :**Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
từ năm 1996 -2006**

Đơn vị tính : triệu USD

Năm	Kim ngạch nhập khẩu	Chia theo loại hình				
		NSXXK	nhập kinh doanh	nhập đầu tư	nhập gia công	nhập khác
1996	420,75	178,43	101,19	86,16	49,02	5,96
1997	797,29	490,09	144,19	99,16	61,84	2,00
1998	1.013,16	448,06	215,28	135,24	52,06	162,52
1999	1.199,62	740,53	268,47	129,13	56,82	4,66
2000	1.507,35	910,91	397,81	139,26	54,28	5,08
2001	1.376,71	716,59	466,38	130,13	55,77	7,84
2002	1.614,91	653,41	628,17	168,72	147,35	17,26
2003	2.154,68	796,39	745,10	403,33	181,95	27,91
2004	2.767,37	1.203,56	1.057,01	329,63	157,84	19,33
2005	3.547,64	1.507,73	1.287,31	516,44	206,38	29,79
2006	4.218,34	1.877,55	1.555,12	414,25	348,18	23,24

(Nguồn : Số liệu thống kê hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai)

Phụ lục 02 :**Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
từ năm 1996 -2006**

Đơn vị tính : triệu USD

Năm	Kim ngạch xuất khẩu	Chia theo loại hình			
		xuất SX XK	xuất kinh doanh	xuất gia công	xuất khác
1996	334,71	209,34	92,91	30,13	2,34
1997	746,41	591,47	91,86	55,00	8,08
1998	953,63	651,58	137,73	75,09	89,24
1999	1.264,82	974,40	196,80	78,87	14,76
2000	1.512,09	1.223,27	190,46	82,29	16,08
2001	1.318,21	1.061,17	142,90	95,36	18,79
2002	1.315,28	924,38	129,12	238,86	22,92
2003	1.580,87	1.102,08	167,92	266,59	44,26
2004	2.123,12	1.653,69	251,77	188,04	29,63
2005	2.722,04	2.153,32	277,46	248,69	42,57
2006	3.683,46	2.794,59	400,95	449,34	38,59

(Nguồn : Số liệu thống kê hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai)

Phụ lục 03 :**Kim ngạch nhập khẩu loại hình NSXXK trên địa bàn tỉnh Đồng Nai****Từ năm 1996 - 2006**

Đơn vị tính : triệu USD

Năm	Kim ngạch nhập khẩu	Trong đó NSXXK		
		kim ngạch	tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng, giảm
1996	420,75	178,43	42,41%	-
1997	797,29	490,09	61,47%	174,67%
1998	1.013,16	448,06	44,22%	-8,58%
1999	1.199,62	740,53	61,73%	65,27%
2000	1.507,35	910,91	60,43%	23,01%
2001	1.376,71	716,59	52,05%	-21,33%
2002	1.614,91	653,41	40,46%	-8,82%
2003	2.154,68	796,39	36,96%	21,88%
2004	2.767,37	1.203,56	43,49%	51,13%
2005	3.547,64	1.507,73	42,50%	25,27%
2006	4.218,34	1.877,55	44,51%	24,53%

(Nguồn : Số liệu thống kê hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai)

Phụ lục 04 :**Kim ngạch xuất khẩu loại hình NSXXK trên địa bàn tỉnh Đồng Nai****Từ năm 1996 - 2006**

Đơn vị tính : triệu USD

Năm	Kim ngạch xuất khẩu	Trong đó NSXXK		
		kim ngạch	tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng, giảm
1996	334,71	209,34	62,54%	-
1997	746,41	591,47	79,24%	182,54%
1998	953,63	651,58	68,33%	10,16%
1999	1.264,82	974,40	77,04%	49,54%
2000	1.512,09	1.223,27	80,90%	25,54%
2001	1.318,21	1.061,17	80,50%	-13,25%
2002	1.315,28	924,38	70,28%	-12,89%
2003	1.580,87	1.102,08	69,71%	19,22%
2004	2.123,12	1.653,69	77,89%	50,05%
2005	2.722,04	2.153,32	79,11%	30,21%
2006	3.683,46	2.794,59	75,87%	29,78%

(Nguồn : Số liệu thống kê hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai)

Phụ lục 05 :**Kim ngạch nhập khẩu loại hình NSXXK của doanh nghiệp chế xuất
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 1996 - 2006**

Đơn vị tính : triệu USD

Năm	Kim ngạch nhập khẩu	Trong đó của doanh nghiệp chế xuất		
		kim ngạch	tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng, giảm
1998	448,06	360,32	80,42%	-
1999	740,53	511,13	69,02%	41,85%
2000	910,91	682,79	74,96%	33,58%
2001	716,59	446,65	62,33%	-34,58%
2002	653,41	328,68	50,30%	-26,41%
2003	796,39	401	50,35%	22,00%
2004	1.203,56	658,8	54,74%	64,29%
2005	1.507,73	835,13	55,39%	26,77%
2006	1.877,55	1021,74	54,42%	22,35%

(Nguồn : Số liệu thống kê hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai)

Phụ lục 06 :**Kim ngạch xuất khẩu loại hình NSXXK của doanh nghiệp chế xuất
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 1996 - 2006**

Đơn vị tính : triệu USD

Năm	Kim ngạch xuất khẩu	Trong đó của doanh nghiệp chế xuất		
		kim ngạch	tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng, giảm
1998	651,58	398,36	61,14%	-
1999	974,40	610,81	62,69%	53,33%
2000	1.223,27	781,21	63,86%	27,90%
2001	1.061,17	594,99	56,07%	-23,84%
2002	924,38	466,06	50,42%	-21,67%
2003	1.102,08	547,53	49,68%	17,48%
2004	1.653,69	897,50	54,27%	63,92%
2005	2.153,32	1.184,98	55,03%	32,03%
2006	2.794,59	1.454,86	52,06%	22,78%

(Nguồn : Số liệu thống kê hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai)

Phụ lục 07 :**Nợ thuế tạm thu, nợ thuế tạm thu quá hạn tại Cục Hải quan Đồng Nai
ngày 31/12 các năm từ 2002 - 2006**

Đơn vị tính : tỷ đồng

Năm	Nợ thuế tạm thu	Trong đó : nợ thuế tạm thu quá hạn	
		trị giá	tỷ trọng (%)
2002	481,65	93,53	19,42%
2003	576,81	40,08	6,95%
2004	799,95	4,78	0,60%
2005	1.013,16	6,23	0,61%
2006	907,77	8,63	0,95%

(Nguồn : Báo cáo nợ thuế tạm thu quá hạn ngày 31/12 hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai)

Phụ lục 08 :**Số thuế không thu, hoàn thuế đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu tại Cục Hải quan Đồng Nai từ năm 2002 - 2006**

Đơn vị tính : tỷ đồng

Năm	Không thu	Hoàn thuế	Tổng cộng
2002	1.614,76	34,86	1.649,63
2003	1.027,85	46,57	1.074,43
2004	1.468,69	76,69	1.545,38
2005	1.451,62	144,86	1.596,47
2006	2.015,61	176,19	2.191,80

(Nguồn : Báo cáo kế toán thuế hàng năm của Cục Hải quan Đồng Nai)

Phụ lục 09 :**Số thuế thu nộp ngân sách nhà nước tại Cục Hải quan Đồng Nai từ năm 2002 - 2006**

Đơn vị tính : tỷ đồng

Năm	Thu thuế	Chỉ tiêu kế hoạch	Đạt % kế hoạch
2002	1.770,47	1.100	160,95%
2003	1.917,89	1.700	112,82%
2004	2.478,35	2.064	120,07%
2005	2.713,51	2.555,5	106,18%
2006	3.091,50	3.050	101,36%